

Day & học

Số 35 - tháng 05 | 2021

HỘI PHỤC

DÁNG HÌNH TIN TỨC

BÓN CÁCH ĐỂ TRƯỜNG
HỌC CÓ THỂ HỖ TRỢ TRẺ
EM MỘT CÁCH TOÀN DIỆN

HÃY BỎ HÌNH
THỨC ĐÌNH CHỈ

GIẢI QUYẾT VÀ NGĂN
NGỪA TÌNH TRẠNG KIẾT
SỨC CỦA GIÁO VIÊN

Số 34: Hồi phục

Quản lý Giáo dục

BỐN CÁCH TRƯỜNG HỌC CÓ THỂ HỖ TRỢ TRẺ EM MỘT CÁCH TOÀN DIỆN..... 06

Ngô Thị Thanh Tùng dịch

GIẢI QUYẾT VÀ NGĂN NGỪA TÌNH TRẠNG KIẾT SỨC CỦA GIÁO VIÊN - CÁCH ĐỂ GIỮ CHÂN CÁC NHÀ GIÁO DỤC TÀI NĂNG 11

Mai Anh, Minh Châu lược dịch

Dạy thế nào

ĐÃ ĐẾN LÚC NGỪNG BẮT HỌC SINH “TÌM Ý CHÍNH TOÀN BÀI” VÀ ÁP DỤNG MỘT PHƯƠNG PHÁP DẠY ĐỌC MỚI 17

Minh Trang lược dịch

DÁNG HÌNH TIN TỨC.....21

LISA lược dịch

BẢO VỆ SỨC KHỎE TINH THẦN TRONG MỘT THỜI KỲ BẤT ỔN24

Thúy Quỳnh dịch

LÀM THẾ NÀO ĐỂ HỌC SINH LUÔN HỨNG THÚ TRONG LỚP HỌC?27

Thúy Quỳnh dịch

CÔNG BẰNG TRONG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH.....33

Minh Khuê dịch

Cải tổ Giáo dục

HÃY LOẠI BỎ HÌNH THỨC ĐÌNH CHỈ..... 35

Đức Hà dịch

[30+ FRAMEWORKS GIÁO DỤC] - KỶ 18: KHUÔN KHỔ

HEAD START EARLY LEARNING OUTCOME - KHỞI

ĐẦU THUẬN LỢI CHO NHỮNG NĂM ĐẦU ĐỜI..... 39

Việt Anh

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới *Đạy và Học* muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập *Lộn xộn* qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

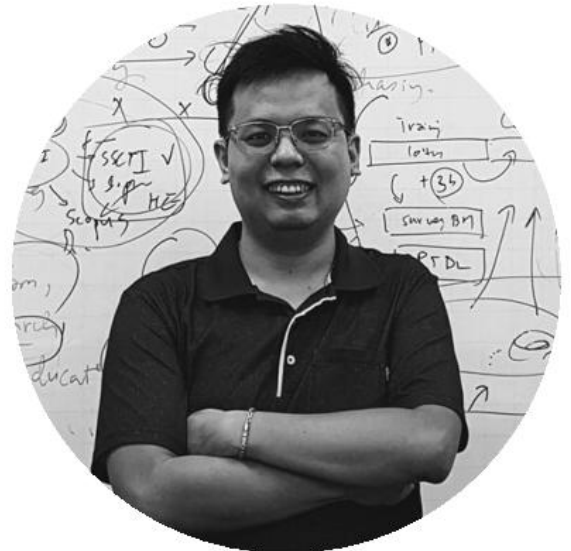
Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung *Đạy và Học* có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Đạy & Học**



“*Đạy & Học* là ấn phẩm không thể thiếu đối với các nhà trường phổ thông”

- TS Phạm Hiệp, Chuyên gia Giáo dục

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Kỳ nghỉ hè đã tới, dù với một số nơi có thể còn có phần ngổn ngang và đột ngột. Sau một năm học đầy biến động và khó khăn, đây có thể là khoảng thời gian để giáo viên, học sinh cùng ngành giáo dục nói chung được nghỉ ngơi, phục hồi, trước khi tiếp tục hành trình chắc hẳn còn nhiều thách thức. **Đạy & Học số 35** với tựa đề **“Hồi phục”** xin gửi tới quý vị các bài viết gợi ý những cách thức giúp sửa chữa những “tổn thương” mà trường học và các cá nhân trong đó đang phải đối mặt.

“Giải quyết và ngăn ngừa kiệt sức ở giáo viên” là một hồi chuông báo động về tình trạng xuống cấp cả về thể chất và tinh thần của giáo viên, cũng như những gợi ý để cải thiện điều này. **“Bốn cách để trường học có thể hỗ trợ trẻ em một cách toàn diện”** hướng trường học quan tâm tới mọi mục tiêu phát triển của trẻ em - bao gồm cả khía cạnh cảm xúc - xã hội - thay vì chỉ tập trung vào hoạt động học thuật. Và có lẽ để làm được điều này, trước tiên chúng ta cần cân nhắc việc **“Ngưng hình thức đình chỉ”**.

Dạy và học vốn chưa bao giờ là một công việc dễ dàng, thì nay lại càng bị tổn hại do những ảnh hưởng của đại dịch COVID - 19. **“Bảo vệ sức khỏe tinh thần trong một thời kỳ bất ổn”** gợi ý cách các trường đại học có thể hỗ trợ sinh viên; và **“Đáng hình tin tức”** lại tận dụng đại dịch này để hướng dẫn giáo viên dạy học sinh cách theo dõi và phân tích tin tức sao cho phù hợp. **“Đã đến lúc ngừng bắt học sinh ‘Tìm ý chính toàn bài’ và áp dụng một phương pháp dạy đọc mới”** lại khẳng định rằng nội dung đọc phong phú quan trọng hơn là các kỹ năng phân tích, đọc hiểu. Ngược lại, “nhờ” đại dịch COVID-19, Anh quyết định bỏ kỳ thi A-level và GCSE và quay lại với đánh giá của giáo viên. Câu chuyện **“Công bằng trong đánh giá năng lực học sinh”** tiếp tục trở thành chủ đề đáng quan tâm hơn bao giờ hết.

Cuối cùng, **“Làm thế nào để học sinh luôn hứng thú trong lớp học”** cung cấp 10 gợi ý rất cụ thể để giáo viên nâng cao việc quản lý lớp học. Và framework giáo dục kỳ này sẽ hỗ trợ cha mẹ và giáo viên mầm non giúp trẻ có một **“Khởi đầu thuận lợi cho những năm đầu đời”**.

Xin chúc Quý vị có những khoảng thời gian thú vị.

Trân trọng,

Ban Biên tập Lộn Xộn





BỐN CÁCH TRƯỜNG HỌC CÓ THỂ HỖ TRỢ TRẺ EM MỘT CÁCH TOÀN DIỆN

Lysa Flook
Ngô Thị Thanh Tùng dịch

Ngoài việc chỉ giảng dạy học thuật, các trường học có thể thúc đẩy sự phát triển của học sinh trong các mối quan hệ, xác định bản thân, kỹ năng cảm xúc và sự hạnh phúc của chúng.

Hiện nay, hệ thống giáo dục của chúng ta thường tập trung vào một khoảng hẹp của sự phát triển nhận thức của trẻ em với trọng tâm là truyền tải nội dung kiến thức, thường được ghi nhớ và lặp lại dưới cùng một hình thức như nó đã được tiếp nhận. Các bài học về toán, khoa học và đọc - và các bài kiểm tra các kỹ năng này - chiếm ưu thế trong chương trình giảng dạy.

Mặc dù những môn học đó là cơ bản, việc học tập không chỉ đơn thuần là tiếp thu những kiến thức bất động về đại số hay hóa học. Sự tập trung hạn hẹp như vậy sẽ hạn chế các cách mà trẻ em cần

để phát triển và học hỏi trong các mối quan hệ, xác định bản thân, sự thấu hiểu cảm xúc và sự hạnh phúc của chúng. Xét cho cùng, trẻ em là những cá thể "toàn diện" đa chiều mà sự phát triển của chúng rất phức tạp và phong phú.

Các nghiên cứu gần đây trong khoa học thần kinh, khoa học phát triển và học tập, giáo dục, xã hội học và nhiều lĩnh vực khác khẳng định rằng phương pháp tiếp cận "trẻ em toàn diện" không chỉ là mong muốn mà còn cần thiết để đảm bảo rằng trẻ em học tập tốt. Theo hai nghiên cứu tổng quan đầy đủ về khoa học của sự phát triển và học tập của trẻ em thì:

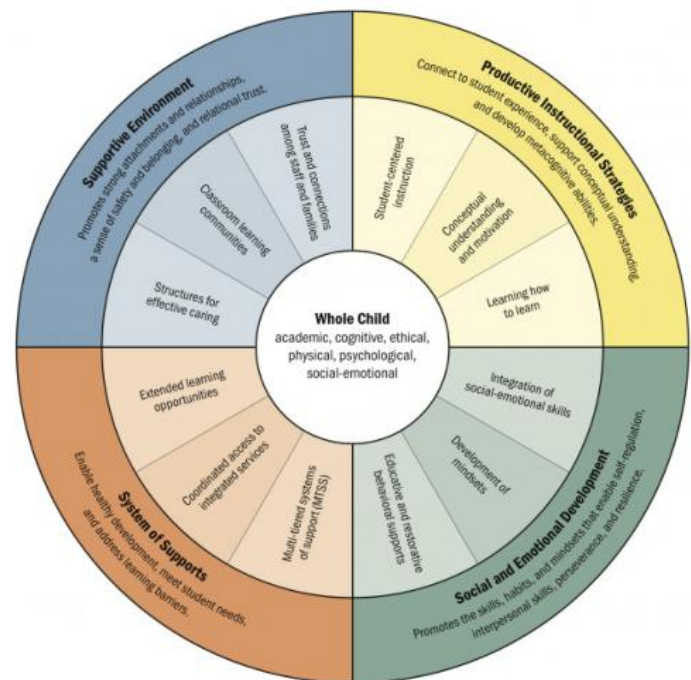
- Sự phát triển trí não được định hình bởi các mối quan hệ nhất quán, có tính hỗ trợ; các giao tiếp có tính hồi đáp; và mô hình hóa các hành vi có tính hiệu quả. Năng lực của não bộ phát triển đầy đủ nhất khi trẻ em và thanh niên cảm thấy an toàn về

cảm xúc và thể chất; và khi chúng cảm thấy được kết nối, được chú ý và được thử thách.

- Học tập là một hoạt động mang tính xã hội, cảm xúc và học thuật. Các mối quan hệ tích cực, bao gồm sự tin tưởng vào giáo viên, và những cảm xúc tích cực, chẳng hạn như sự quan tâm và hứng thú, giúp mở mang tâm trí để đón nhận việc học tập. Những cảm xúc tiêu cực, chẳng hạn như sợ hãi thất bại, lo lắng và thiếu tự tin, làm giảm khả năng xử lý thông tin và học hỏi của não bộ. Trẻ em có thể xây dựng các kỹ năng và nhận thức để làm việc với các cảm xúc trong bản thân chúng và các mối quan hệ của chúng.
- Nghịch cảnh — nghèo đói, nhà ở và thực phẩm không an toàn, lạm dụng hoặc bỏ bê — tạo ra căng thẳng độc hại ảnh hưởng đến học tập và hành vi, nhưng cách các trường học đối mặt với các vấn đề đó có thể tạo ra những thay đổi tích cực. Các mối quan hệ tích cực, ổn định - khi người lớn có nhận thức, sự đồng cảm và năng lực văn hóa để hiểu và lắng nghe trẻ em - có thể làm giảm các tác động của những nghịch cảnh thậm chí rất nghiêm trọng.

Tại Viện Chính sách Học tập, như là một phần của sáng kiến mới về Khoa học Học tập và Phát triển, chúng tôi đã tổng hợp những phát hiện khoa học này để xác định cách các trường học có thể thúc đẩy tốt nhất sự phát triển của trẻ em. Chúng tôi đã xác định bốn thành phần chính của sự thành công ở trường học cho phép chúng ta chăm sóc và nuôi dưỡng tiềm năng ở tất cả trẻ em: môi trường trường học tích cực, chiến lược giảng dạy hiệu quả, phát triển cảm xúc - xã hội và hỗ trợ cá nhân hoá. Dưới đây là những gì chúng tôi đã học được cho đến nay về lý do tại sao những thành phần này lại có ý nghĩa và cách đưa chúng vào hoạt động.

1. Nuôi dưỡng một môi trường đầy tính hỗ trợ để thúc đẩy mối quan hệ bền chặt giữa nhân viên, học sinh và gia đình



Bốn thành phần chính cho phép trường học thúc đẩy tốt nhất sự phát triển toàn diện của trẻ.

Trong một cuộc khảo sát quốc gia gần đây, chỉ có 30 phần trăm học sinh trung học đánh giá tích cực về văn hóa trường học. Nhiều trường học ngày nay dựa trên các thiết kế cổ từ đầu những năm 1900, kiểu trường mô phỏng theo mô hình nhà máy, trong đó học sinh quay vòng qua các lớp học và giáo viên nhìn thấy hàng trăm học sinh mỗi ngày. Những cấu trúc này phi cá nhân hóa việc học tại thời điểm mà học sinh cần và sẽ được hưởng lợi từ các mối quan hệ lâu dài với giáo viên và bạn bè đồng trang lứa.

Tạo ra một môi trường trường học tích cực dựa trên các mối quan hệ bền chặt cung cấp một nền tảng vững chắc cho việc học tập. Học sinh cần cảm thấy cảm giác an toàn và thân thuộc để có thể phát triển trong môi trường học đường. Một số yếu tố thúc đẩy ý thức tập thể và cho phép giáo viên hiểu rõ về học sinh của họ bao gồm:

- Quy mô trường học và lớp học nhỏ hơn.
- Vòng lặp - tức là các giáo viên cần ở lại với cùng một học sinh trong hơn một năm.

- Các lớp học tư vấn cung cấp cho học sinh một tập thể và cho phép giáo viên gặp gỡ với học sinh và phụ huynh trên cơ sở nhất quán.
- Nhân viên thực hành năng lực văn hóa, lôi cuốn các trải nghiệm của học sinh vào lớp học và truyền đạt rằng tất cả học sinh đều được coi trọng.
- Thăm nhà và các cuộc họp thường xuyên giữa phụ huynh-giáo viên-học sinh để tăng cường sự kết nối giữa nhà trường và gia đình.
- Các cơ hội cho sự hợp tác và lãnh đạo của nhân viên nhằm củng cố lòng tin giữa các nhà giáo dục.

Ví dụ, một cách để giúp học sinh cảm thấy chúng được thuộc về là để học sinh tham gia vào việc xây dựng các tiêu chuẩn/quy định của lớp học, các tiêu chuẩn này sẽ được thông báo công khai và sử dụng thường xuyên, đồng thời phân công các nhiệm vụ trong lớp để mỗi học sinh đều tham gia vào việc xây dựng tập thể. Giáo viên cũng có thể hướng tới việc truyền đạt những kỳ vọng cao và hỗ trợ đầy đủ cho tất cả học sinh, truyền tải thông điệp rằng các em đều có khả năng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những học sinh đã từng nhận được những thông điệp không thống nhất hoặc không khuyến khích về khả năng của họ từ người lớn, cho dù là do thành kiến rõ ràng hay ngầm ẩn.

Một loạt các thực hành khác có thể giúp xây dựng cảm nhận cộng đồng. Các cuộc đi bộ tập thể, trong đó học sinh đóng vai trò dẫn dắt một chuyến tham quan các khu dân cư xung quanh trường của mình, có thể giúp xây dựng năng lực văn hóa giữa các nhà giáo dục khi họ tìm hiểu thêm về cuộc sống của học sinh bên ngoài trường học. Lập kế hoạch các cuộc họp bao gồm các nhà giáo dục từ các bộ môn và phòng ban, và sự phát triển nghề nghiệp nhằm hỗ trợ năng lực cảm xúc xã hội và hạnh phúc của chính các nhà

giáo dục, có thể giúp các nhà giáo dục cộng tác và phát triển lòng tin.

Nhìn chung, một môi trường học đường tích cực nhằm mục đích thúc đẩy mối quan hệ sâu sắc hơn giữa người lớn và học sinh có thể khuyến khích cảm giác an toàn và thân thuộc, những cảm giác giúp ích cho việc học tập.

2. Thực hiện các phương pháp giảng dạy có ý nghĩa, hấp dẫn nhằm phát triển khả năng của học sinh trong việc quản lý việc học của chính mình

Trong các cuộc thảo luận nhóm tập trung và các cuộc phỏng vấn với học sinh đã bỏ học trung học ở 25 cộng đồng thành thị, ven đô và nông thôn, gần một nửa (47%) cho biết lý do chính của việc bỏ học là do lớp học không thú vị. Những người trẻ tuổi này cho biết họ trở nên buồn chán và không được kết nối khi họ học trung học. Ngay cả trong số những người ở lại trường học, 81% nói rằng nên có nhiều cơ hội hơn để được học tập trong thế giới thực.

Học sinh khao khát có cơ hội học hỏi những điều thực sự quan trọng và có liên quan đến cuộc sống của họ. Việc giảng dạy giúp học sinh phát triển sự hiểu biết của họ khi nó được xây dựng dựa trên kinh nghiệm trước đây của học sinh và tạo dựng nền tảng học tập một cách phù hợp với bối cảnh của học sinh. Ví dụ: giáo viên có thể kết nối các bài học về toán học với các nhiệm vụ thông thường mà học sinh đang tham gia và sử dụng các kỹ năng đó, chẳng hạn như nấu ăn, tác phẩm nghệ thuật, thể thao và các việc khác. Hoặc họ có thể kết nối một bài học lịch sử về phong trào Dân quyền với các vấn đề thời hiện đại như các cuộc tấn công thúc đẩy vấn đề chủng tộc ở Charlottesville và sự tàn bạo của cảnh sát đối với người da màu.

Khi được kết hợp khéo léo với các hướng dẫn trực tiếp, phương pháp học tập khám phá được

dẫn dắt bởi sự hứng thú của học sinh sẽ thúc đẩy động lực của họ và phát triển các kỹ năng gắn với cuộc sống. Ví dụ, trong một lớp học bậc trung học cơ sở ở Oakland, các học sinh đã quyết định nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến đại dương và sau đó thiết kế một chiến dịch giảm thiểu rác thải và xả rác và tăng cường tái chế tại trường của họ. Các dự án này dạy các kỹ năng có giá trị như hợp tác, giải quyết vấn đề và tổ chức và có tác động rõ ràng.

Đánh giá có bao gồm phản hồi và các cơ hội để sửa chữa bài làm sẽ giúp học sinh biết cách học và khuyến khích mong muốn thực chất để hiểu tài liệu và thử thách bản thân, chứ không chỉ là việc chấm điểm. Cách “tiếp cận tập trung vào trau dồi năng lực” (mastery-oriented approach) này có liên quan đến việc học tập có ý nghĩa hơn. Ví dụ, một số trường trau dồi cho học sinh kỹ năng tìm tòi và điều chỉnh thông qua các dự án capstone¹ — các dự án nghiên cứu kéo dài hàng năm — tạo cho học sinh một cơ hội tìm hiểu sâu về một vấn đề quan trọng đối với chúng, và thông thường sau đó là làm việc để tạo ra sự thay đổi trong cộng đồng. Các dự án này thường được sửa đổi để đáp ứng tiêu chuẩn cao về sự tìm tòi và được trình bày trước các hội đồng gồm các nhà giáo dục và những người lớn khác từ bên ngoài trường học, giống như một cuộc bảo vệ luận văn. Sự kiểm soát của học sinh đối với việc học của mình cũng được hỗ trợ bởi các hoạt động như hội nghị do học sinh chủ trì, cho phép học sinh thường xuyên chia sẻ công việc của mình với phụ huynh và giáo viên cũng như phản ánh về việc học tập và các mục tiêu của họ.

Để việc học không còn nhàm chán, các chiến lược giảng dạy hiệu quả kết nối việc học với cuộc sống của học sinh và trao quyền cho chúng sử dụng kiến thức của mình cho lợi ích của chính

bản thân và những người xung quanh.

3. Phát triển các thói quen, kỹ năng và tư duy nhằm xây dựng năng lực xã hội, năng lực cảm xúc và khả năng học tập của học sinh

Học sinh ở Mỹ cho biết chúng cảm thấy căng thẳng trong 80% thời gian ở trường. Khi học sinh bị choáng ngợp, chúng thường có xu hướng cư xử chống đối và gặp khó khăn trong việc điều chỉnh ở trường. Thật vậy, trẻ em ở các trường công lập Mỹ mất hơn 11 triệu ngày giảng dạy do bị đình chỉ trong một năm học.

Việc phát triển các kỹ năng cảm xúc-xã hội của học sinh giúp chúng học cách kiểm soát căng thẳng, đồng thời tăng cường các kỹ năng xã hội như hợp tác và đồng cảm. Theo cách này, các kỹ năng cảm xúc-xã hội sẽ gắn với việc phát triển nhận thức tốt hơn về bản thân và những người khác. Nhiều trường dạy những kỹ năng này một cách rõ ràng thông qua các chương trình học tập cảm xúc-xã hội, những chương trình này đã được chứng minh là có hiệu quả trong việc giúp cải thiện thành tích của học sinh, cũng như cảm giác an toàn và thân thuộc của họ khi ở trường.

Ngoài ra, để giảm tình trạng đình chỉ học và các hình thức kỷ luật trừng phạt khác trong trường học, nhiều nơi đang sử dụng các phương pháp phục hồi — như “vòng tròn” và hòa giải đồng cấp — dạy học sinh chịu trách nhiệm và sửa chữa những tổn hại đã gây ra trong các mối quan hệ của họ. Một cách tiếp cận phục hồi được xây dựng dựa trên việc học sinh nhận ra và đánh giá cao vai trò và trách nhiệm của chúng với tập thể. Cuối cùng, các thực hành phục hồi giúp cho việc xây dựng các kỹ năng cá nhân và nuôi dưỡng một cộng đồng vững mạnh hơn đồng thời cũng thúc đẩy thành tích và tỷ lệ tốt nghiệp của học sinh.

¹ Một dạng bài tập thường được giao cho học sinh vào cuối năm học, ở đó học sinh phải tận dụng toàn bộ kiến thức và kỹ năng học được trong cả năm học đó để vận dụng vào thực hiện một ý tưởng, dự án.

4. Tạo ra một hệ thống tích hợp hỗ trợ trường học bao gồm các cơ hội học tập được mở rộng và hợp tác với cộng đồng

Không phải tất cả trẻ em đều có vốn vật chất và xã hội để có thể tiếp cận với những trải nghiệm và môi trường học tập chất lượng cao. Ví dụ, các bậc cha mẹ có thu nhập cao đã tăng chi tiêu cho “các hoạt động gia tăng trải nghiệm phong phú” cho con cái của họ, như học gia sư và các hoạt động ngoại khóa, lên đến 151% trong vài thập kỷ qua, so với 57% ở các bậc cha mẹ có thu nhập thấp. Những khác biệt này làm gia tăng khoảng cách về thành tích giữa học sinh giàu có và học sinh ở các gia đình có thu nhập thấp.

Các hỗ trợ bổ sung cũng cần thiết cho ngày càng nhiều trẻ em gặp nghịch cảnh như nghèo đói, vô gia cư, mất an ninh lương thực, trở ngại học tập hoặc thiếu sự chăm sóc sức khỏe. Các trường học cần một hệ thống hỗ trợ linh hoạt để giải quyết những nhu cầu này.

Mô hình trường học cộng đồng là mô hình trường công hợp tác với gia đình và các tổ chức cộng đồng để cung cấp các cơ hội giáo dục toàn diện và hỗ trợ cho sự thành công ở trường của học sinh. Nó thường bao gồm việc bồi dưỡng trước và sau giờ học, chẳng hạn như cố vấn và hỗ trợ học tập, cũng như các cơ hội học tập mùa hè, như hội thảo về phim và nghệ thuật, trại hè thể thao và các chuyến đi xa đến thăm các trường đại học. Một số trường hợp tác với các tổ chức địa

phương và nhân viên trường đại học để cung cấp trải nghiệm, nơi học sinh học hỏi từ các chuyên gia thông qua các khóa thực tập hoặc hội thảo về các chủ đề họ quan tâm, như công nghệ, phim và nghệ thuật.

Ngoài ra, thông qua quan hệ đối tác với các tổ chức cộng đồng, các trường cung cấp các dịch vụ y tế, sức khỏe tâm thần và dịch vụ xã hội để giúp học sinh vượt qua các rào cản trong học tập. Một nhân viên xã hội hoặc người kết nối cộng đồng thường điều phối các dịch vụ này. Một số trường hợp tác với các chương trình đại học, cũng như các nhà cung cấp dịch vụ sức khỏe và sức khỏe tâm thần, để đưa các thực tập sinh (như sinh viên tâm lý học) vào trường học làm nhân viên hỗ trợ. Những hình thức hỗ trợ này phản ánh cách tiếp cận toàn trường đối với sự phát triển toàn diện của trẻ em nhằm tối đa hóa cơ hội thành công cho tất cả trẻ em.

Kết hợp lại, bốn thành phần này là những phần thiết yếu của một khuôn khổ toàn diện mà trên thực tế, chúng sẽ xây dựng và củng cố lẫn nhau. Nhiều nghiên cứu chứng minh rằng giáo dục thành công không thể xảy ra theo kiểu chấp vá. Thực hiện phương pháp tiếp cận tích hợp có thể giúp trẻ em phát triển hết tiềm năng, với tất cả sự phức tạp và tính nhân văn của chúng.



GIẢI QUYẾT VÀ NGĂN NGỪA TÌNH TRẠNG KIẾT SỨC CỦA GIÁO VIÊN

Cách để giữ chân các nhà giáo dục tài năng

The Graide Network
Mai Anh, Minh Châu *lược dịch*

Chúng ta đều biết rằng giáo viên phải đối mặt với rất nhiều vấn đề khác nhau. Hình ảnh một nhà giáo thường mất ngủ vào ban đêm; trở nên kiệt sức bởi nhiều hình thức kỷ luật ở trên lớp và là người không hứng thú với việc làm các bài đánh giá tiêu chuẩn ngày càng không phản ánh được việc học thực tế của học sinh dường như trở nên ngày càng phổ biến.

Các triệu chứng chung như mệt mỏi, choáng ngợp, buồn chán, trầm cảm, lo lắng, căng thẳng, thờ ơ và thất vọng được gọi chung là “tình trạng

kiệt sức của giáo viên”. Trong khi những triệu chứng này có thể coi là đặc trưng cho bất kỳ nhà giáo dục nào khi chúng vượt quá sức chịu đựng của họ, thì tình trạng này lại thường ảnh hưởng đến hầu hết các giáo viên - người tiếp xúc với học sinh hàng ngày.

Để giải quyết hiệu quả vấn đề này, chúng ta cần xem xét kỹ lưỡng các khía cạnh liên quan đến tình trạng kiệt sức của giáo viên bao gồm: định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng ngừa. Hãy sử dụng sổ ghi chú hoặc máy tính bảng và sẵn sàng ghi lại những câu trả lời có thể cứu vãn nền giáo dục Hoa Kỳ cũng như toàn cầu.

Tình trạng kiệt sức ở giáo viên là gì?

Trước khi có thể đưa ra và thực hiện hiệu quả các phương pháp để giải quyết tình trạng kiệt sức, chúng ta cần phải hiểu vấn đề này là gì. Đây là lúc ta cần tới một định nghĩa tốt về “tình trạng kiệt sức ở giáo viên”.

Hai nhà nghiên cứu Jesús Montero-Marín và Javier García-Campayo giải thích như sau: “Hội chứng kiệt sức được biểu hiện bởi một chuỗi ba nhóm: điên cuồng, thiếu năng lực và mệt mỏi”, đó là “một phản ứng kéo dài đối với các tác nhân gây căng thẳng mãn tính về cảm xúc và cá nhân trong công việc.” Nói cách khác, kiệt sức là một trạng thái diễn ra dai dẳng trong thời gian dài, khiến giáo viên phải phát triển một trong ba cơ chế phản ứng:

- **Kiệt sức:** trạng thái mà giáo viên cảm thấy họ không thể cố gắng thêm được nữa
- **Hoài nghi:** thái độ xa cách đối với công việc, đồng nghiệp, học sinh và các khía cạnh khác của công việc
- **Không hiệu quả:** cảm giác trở nên kém cỏi và kém hiệu quả trong công việc

Không khó để nhận ra rằng trạng thái này đang gây tổn hại tới học sinh, giáo viên, ban giám hiệu (những người vốn phải giải quyết sự căng thẳng và tỉ lệ bỏ nghề cao của giáo viên), phụ huynh và cả tập thể nói chung.

Số liệu thống kê về tình trạng kiệt sức của giáo viên nói lên điều gì?

Tình trạng kiệt sức của giáo viên không chỉ đơn thuần là một vấn đề nhỏ nhặt; đây cũng không đơn thuần những câu chuyện ta nghe được từ bạn bè hay đồng nghiệp, hay những đứa trẻ bị tác động bởi vấn đề này. Tình trạng này được chứng thực bởi số liệu thống kê thực tế và đáng kinh ngạc.

Báo cáo của “The Alliance for Excellent Education” cho biết: “Khoảng nửa triệu giáo viên Hoa

Kỳ chuyển đi hoặc nghỉ việc mỗi năm”, đồng thời cho biết thêm rằng sự thiếu hụt này gây ra những ảnh hưởng không đồng đều đến các trường có tỷ lệ đói nghèo cao. Hơn nữa, điều này “tiêu tốn ngân sách của Hoa Kỳ lên đến 2,2 tỷ đô la mỗi năm”, một con số gây sốc khi xét đến tình trạng thiếu hụt ngân sách vốn đã gây ra cho các trường công lập. Đặc biệt, vấn đề này trở nên đáng lo ngại trong bối cảnh tỷ lệ tuyển sinh ngày càng tăng. Với hơn một triệu trẻ em đến độ tuổi đi học từ năm 2008 đến năm 2016 cùng với con số khoảng nửa triệu giáo viên nghỉ việc hoặc chuyển công tác hàng năm thì tỷ lệ biến động là rất lớn. Một nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng có khoảng 17% giáo viên nghỉ việc trong vòng 5 năm đầu tiên - chiếm khoảng 1/5 lực lượng lao động. Một con số không đáng ngạc nhiên trong bối cảnh quy mô lớp học ngày càng lớn còn chi tiêu lại đang ngày càng bị cắt giảm.

Đáng buồn thay, nghỉ hưu không phải là nguyên nhân cho những con số này. Một báo cáo của Viện Chính sách Học tập cho biết: “Khoảng 90% nhu cầu giáo viên hàng năm trên toàn quốc được tạo ra khi giáo viên bỏ nghề, khoảng 2/3 giáo viên nghỉ dạy vì những lý do khác hơn là nghỉ hưu. Trong thống kê này cũng có một thực tế là nhu cầu chuyển nghề ngày càng tăng không phải là nguyên nhân gây ra tình trạng thiếu hụt, nguyên nhân chính là: tình trạng kiệt sức của giáo viên. Nếu những số liệu thống kê về tình trạng kiệt sức của giáo viên này cho chúng ta biết bất cứ điều gì, thì đó là vấn đề này nghiêm trọng hơn nhiều người nghĩ.

Các dấu hiệu và triệu chứng của tình trạng kiệt sức ở giáo viên?

Dấu hiệu và triệu chứng của tình trạng kiệt sức khác nhau phụ thuộc vào loại áp lực mà giáo viên đã trải qua. Hai nhà nghiên cứu Montero Marín và García Campay cũng giải thích thêm rằng mặc dù định nghĩa về hội chứng này không thống nhất giữa các tài liệu, thì nguyên nhân và các biểu hiện

triệu chứng lại được mô tả khá tương đồng nhau ở các cá nhân. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy quan điểm này là một quan điểm bị đơn giản hóa quá mức, điều này có thể ảnh hưởng tới sự chăm sóc mà giáo viên nhận được. Thay vào đó, lĩnh vực này cần cung cấp sự hỗ trợ cho các nhà giáo dục phù hợp với nhu cầu của họ. Nói cách khác, họ "cần xác định đặc điểm của các dạng kiệt sức khác nhau để điều chỉnh các liệu pháp điều trị cho hiệu quả hơn."

Theo Montero-Marín và García-Campayo, ba dạng kiệt sức chủ yếu bao gồm:

Điên cuồng: Loại này bao gồm những giáo viên dành nhiều thời gian và năng lượng cho công việc, cực kỳ tận tâm với thành tích và gắn tham vọng của cá nhân vào trong những nỗ lực của họ. Hậu quả là, cuộc sống cá nhân của họ thường bị ảnh hưởng, vì họ cảm thấy họ không thể cân bằng giữa công việc và việc chăm sóc cho bản thân.

Thiếu năng lượng: giáo viên cảm thấy thiếu động lực và hứng thú, không chuyên tâm vào công việc, Ngoài ra, họ thường xuyên phải thực hiện những công việc nhàm chán thêm vào đó là thiếu sự công nhận những thành tích đã đạt được khiến họ tìm kiếm công việc khác.

Mệt mỏi: Khi người thầy không còn gì để cống hiến cho nghề, họ trở nên chai sạn, coi thường trách nhiệm của mình. Họ cảm thấy thiếu sự công nhận và thiếu quyền lực dẫn đến việc bỏ bê nhiệm vụ.

Mặc dù những giáo viên này có những cảm nhận khác nhau về công việc của họ và do đó có những nhu cầu được hỗ trợ khác nhau trong cuộc sống cá nhân cũng như trong nghề nghiệp. Các triệu chứng kiệt sức của giáo viên được công bố rộng rãi bởi nhiều nghiên cứu bao gồm:

- Cảm giác không thể hoàn thành công việc, kiệt sức bởi hàng núi điểm số, các

cuộc họp liên miên và liên tục phải hy sinh thời gian cá nhân.

- Choáng ngợp, hoặc cảm giác rằng giáo viên không bao giờ có thể "hoàn thành" bất cứ công việc gì.
- Thất vọng vì không có khả năng thay đổi hệ thống, từ việc giảng dạy đến các bài kiểm tra không phản ánh quá trình học tập của học sinh đồng thời lấy đi thời gian giáo dục có ý nghĩa và bỏ qua các giai đoạn phát triển chuyên môn
- Kiệt sức, cả về thể chất lẫn tinh thần, do giáo viên không thể ngủ đủ giấc (thức đêm chấm điểm) và dường như không thể tác động đến sự thay đổi trong hệ thống (các bài kiểm tra tiêu chuẩn, kết quả của học sinh), buộc phải chứng kiến những vấn đề tương tự lặp đi lặp lại
- Căng thẳng, bắt nguồn từ việc thiếu sự chăm sóc bản thân, các vấn đề trong lớp học lặp đi lặp lại liên tục, sự choáng ngợp, thiếu đi các hỗ trợ mà giáo viên kỳ vọng ở ban giám hiệu, phụ huynh và các bài kiểm tra
- Giảm cân, tăng cân, thiếu ngủ và các tình trạng thể chất khác liên quan đến căng thẳng và làm việc quá sức

Những triệu chứng này, liên quan đến cả ba kiểu kiệt sức của giáo viên, xuất phát từ nhiều nguyên nhân.



Nguyên nhân nào khiến giáo viên kiệt sức?

Kiệt sức, giống như các dấu hiệu và triệu chứng của nó, phát sinh từ nhiều nguyên nhân có liên quan và nguy hiểm. Bao gồm:

- Thiếu quyền tự chủ, với các giáo viên chuyên nghiệp không thể đưa ra các lựa chọn quan trọng trong lớp học cũng như về chương trình giảng dạy
- Các hành vi của học sinh bao gồm thiếu tôn trọng, mất tập trung và tính hòa nhập - tất cả đều ảnh hưởng đến số liệu thống kê về tình trạng kiệt sức của giáo viên trên toàn thế giới
- Thiếu sự hỗ trợ từ ban giám hiệu
- Một môi trường làm việc điên cuồng, nơi giáo viên lao hết nơi này đến nơi khác, hết nhiệm vụ này tới nhiệm vụ khác với quá ít thời gian nghỉ ngơi để sắp xếp lại và không đủ thời gian cho mỗi hoạt động
- Suy giảm các mối quan hệ và giao tiếp kém với phụ huynh, quản lý, khiến giáo viên cảm thấy không thể truyền đạt nhu cầu của họ
- Thiếu ngân sách để đáp ứng những nhu cầu thích hợp
- Thiếu thời gian cho mỗi bài học hoặc phân đoạn trong ngày
- Thiếu thời gian trong ngày để chuẩn bị đầy đủ cho các bài học, khiến giáo viên phải lựa chọn giữa việc dạy kém hoặc mất ngủ / thiếu thời gian dành cho gia đình / cho chăm sóc bản thân / cho những sở thích
- Bị sang chấn tinh thần thứ cấp do làm việc trong bối cảnh tiếp xúc gần gũi với những học sinh người mà bị lạm dụng, bỏ rơi và trải qua đau buồn trong gia đình, nơi chăm sóc nuôi dưỡng hoặc ở các môi trường khác

Trong những điều phiền muộn này lại chứa đựng những hạt giống hy vọng, bởi vì chúng vạch ra hướng đi mà lĩnh vực giáo dục có thể áp dụng để giải quyết tình trạng kiệt sức của giáo viên hiện nay.

Giải pháp và ngăn ngừa tình trạng kiệt sức của giáo viên

Ngăn ngừa tình trạng kiệt sức của giáo viên là một trong những nhu cầu cấp thiết trong lĩnh vực giáo dục ngày nay. Tình trạng này đòi hỏi ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên hỗ trợ và trợ lý phải làm việc cùng nhau để tạo ra một môi trường khuyến khích nhiều hơn cho giáo viên.

Giải pháp cần bắt đầu bằng việc giúp đỡ các giáo viên đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực này, sau đó mở rộng đến sự hỗ trợ rộng rãi bao gồm các giáo viên mới ngay khi họ bước vào lớp học. Các giải pháp này bao gồm:

Cho giáo viên nhiều quyền kiểm soát hơn

Trong khoảng một phần tư thế kỷ, giáo viên đã có một niềm tin hạn chế vào khả năng của chính họ trong việc tạo ra sự thay đổi trong lớp học. Đó là một vấn đề vẫn còn tồn tại rất nhiều cho đến ngày nay, nếu các cuộc thảo luận đang diễn ra về tầm quan trọng của quyền tự chủ của giáo viên vẫn tiếp diễn. May mắn thay, mức độ tự chủ được gia tăng là điều mà các quốc gia khác đã đạt được, theo bài báo trên. Câu trả lời ở đây là gì? Nó có thể đơn giản như việc để giáo viên chọn thêm chương trình giảng dạy của riêng họ và xem nó sẽ đi đến đâu. Kết quả ở Phần Lan và các quốc gia thành công đáng chú ý khác thực sự rất đáng hy vọng, vì vậy có thể đã đến lúc chính quyền và các nhà hoạch định chính sách của nhà nước giảm bớt các chương trình giảng dạy bắt buộc và để giáo viên làm những gì họ muốn.

Giúp giáo viên điều chỉnh phản ứng

Hầu hết các giáo viên bước vào nghề đều tràn ngập hy vọng, rồi lại phải nhìn chính những hy vọng đó bị tiêu tan trước những tổn thương của học sinh, áp lực học tập, môi trường học điên cuồng, kỳ vọng cao ngất ngưỡng và hơn thế nữa. Điều này dẫn đến cảm giác tuyệt vọng, cạn kiệt cảm xúc và các triệu chứng kiệt sức khác.

Nói rằng giáo viên cần phải “điều chỉnh thái độ của họ” nghe có vẻ tai hại và vô tâm, nhưng nó có thể là một bí quyết để ngăn chặn tình trạng kiệt sức của giáo viên. Các nghiên cứu chỉ ra rằng “điều chỉnh phản ứng của một người có thể làm giảm căng thẳng dẫn đến kiệt sức” và “các kỹ năng và chiến lược đối phó có thể được phát triển trong một khoảng thời gian, điều này có thể giúp loại bỏ các phản ứng tiêu cực gây cạn kiệt năng lượng”

Do đó, lãnh đạo nhà trường cần tạo ra nhiều hơn các buổi hội thảo và tập huấn để giảng dạy cho các giáo viên. Con người không nhất thiết phải chuyển sang các cơ chế đối phó khi đối mặt với căng thẳng nhưng cần được hướng dẫn về những “điều chỉnh thái độ” lành mạnh thông qua giáo dục, tư vấn và thực hành có hướng dẫn. Giúp giải quyết các vấn đề về cấu hình lại, lùi lại và sắp xếp lại trật tự sẽ có thể đi một chặng đường dài.

Tuyên truyền và phát hiện sớm các dấu hiệu cảnh báo

Không ai có thể mong đợi sự thay đổi nếu nhu cầu và lộ trình của nó không được nhiều người biết đến. Điều này có nghĩa là phải làm rõ về bản chất, nguyên nhân và - quan trọng nhất - các dấu hiệu và triệu chứng của kiệt sức. Vì vậy cần phải thiết kế các khóa đào tạo cho giáo viên để giúp họ nhận ra các dấu hiệu và triệu chứng của sự kiệt sức ở bản thân và những người khác. Nếu giáo viên biết những gì cần tìm, nhiều khả năng họ sẽ báo cáo về bản thân và những người khác với lòng trắc ẩn hơn là phán xét và ít có khả năng sẽ giữ im lặng hơn.

Tuy nhiên, không chỉ giáo viên cần nỗ lực nhiều hơn để phát hiện ra tình trạng kiệt sức. Ban giám hiệu cũng phải đóng một vai trò tích cực. Họ cần tổ chức cuộc họp định kỳ cho giáo viên để tìm hiểu về tình trạng sức khỏe của giáo viên và phát hiện những dấu hiệu kiệt sức tiềm ẩn. Điều đó nói lên rằng, điều quan trọng đó là cần tránh gán sự kỳ thị đối với tình trạng kiệt sức. Bởi vì có quá nhiều sự kỳ thị đã có liên quan đến các triệu chứng kiệt sức thông thường - trầm cảm là chủ yếu trong số đó - gây nên nguy cơ tạo ra một liên kết tiêu cực điều mà sẽ làm mất hết can đảm trong cả việc tự báo cáo và báo cáo nhẹ nhàng thay cho người khác.

Cung cấp những tiện nghi về sức khỏe thể chất và tinh thần

Ta đều biết giáo viên không có mức thu nhập cao như một số ngành nghề khác.. Một nghiên cứu đã chỉ ra con số gây kinh ngạc về số tiền giáo viên bỏ ra để sửa chữa trang phục trên lớp học (94%), vì thế chúng ta không thể mong đợi giáo viên chi tiền cho các giải pháp chăm sóc bản thân thường được đề xuất như: yoga, tham vấn/trị liệu, sở thích cá nhân. Tuy nhiên, điều mà giáo dục có thể làm là cung cấp những tiện nghi này trong bối cảnh trường học. Các nghiên cứu chỉ ra rằng “Chánh niệm, lòng tự trắc ẩn, tính hiệu quả cá nhân và ảnh hưởng tích cực có liên quan đến hỗ trợ tinh thần, trái lại tình trạng kiệt sức và suy nhược cảm xúc có liên quan một cách tiêu cực đến hỗ trợ cảm xúc.” Hơn nữa, “Trầm cảm có liên quan nghịch chiều với các yếu tố hỗ trợ tinh thần, tổ chức lớp học và hỗ trợ giảng dạy.” Cung cấp các phương pháp thực hành chánh niệm trong môi trường học đường sẽ giúp giáo viên cảm thấy được hỗ trợ, làm tăng các yếu tố tích cực như lòng trắc ẩn và hiệu quả cá nhân, chưa kể đến tâm trí hạnh phúc hơn. Ý tưởng này bao gồm các khóa học theo sở thích, yoga và thực hành thiền, viết nhật ký và các đề xuất khác (không bắt buộc!).

Thiết kế một lộ trình rõ ràng để giải quyết các triệu chứng của kiệt sức

Cuối cùng, các nhà giáo dục cần phản ứng nhanh chóng để thoát khỏi tình trạng kiệt sức khi chúng xuất hiện. Nếu giáo viên biết rằng ban giám hiệu sẽ thực hiện các bước để giúp họ hồi phục, nhiều khả năng họ sẽ báo cáo về những triệu chứng liên quan đến tình trạng kiệt sức của họ. Tuy nhiên, thực tế là họ không biết có sự giúp đỡ nào sẽ đến. Hiện nay, các giáo viên thậm chí có thể lo sợ những kết quả tiêu cực của việc báo cáo, chẳng hạn như thiếu niềm tin vào sự giảng dạy của họ và do đó là sự thiếu tự chủ.

Thay vào đó, giáo viên cần:

- Các chính sách rộng rãi về cách thức báo cáo tình trạng kiệt sức và cách để được tiếp nhận các chăm sóc
- Một quy trình trực tiếp để báo cáo tình trạng kiệt sức tới ban giám hiệu
- Lựa chọn loại hình chăm sóc mà họ muốn nhận được
- Hỗ trợ trong việc điều chỉnh khối lượng công việc và lối sống sao cho giáo viên có thể quản lý được
- Ban giám hiệu tích cực theo dõi và giúp đỡ với tình trạng kiệt sức

Vì nguồn lực hỗ trợ giáo viên còn hạn chế, sẽ mất nhiều thời gian để đào tạo giáo viên việc đi tìm kiếm sự trợ giúp khi họ cảm thấy cần. Theo thời gian, bằng cách cung cấp những hỗ trợ cho giáo viên, các nhà quản lý và các nhà hoạch định chính sách mới có thể thuyết phục giáo viên thực hiện bước khó khăn trong việc tiếp cận.

Một bước chân trên con đường nâng cao sự hài lòng của giáo viên

Tình trạng kiệt sức của giáo viên sẽ không được giải quyết ngay trong một sớm một chiều. Nó sẽ đòi hỏi một đội ngũ cán bộ quản lý, nhà hoạch định chính sách, giáo viên và nhân viên hỗ trợ làm việc phối hợp để loại bỏ - hoặc ít nhất là cải thiện - những mối nguy hiểm về mặt tinh thần trong công việc và tạo ra môi trường mà giáo viên mong muốn gắn bó suốt đời. Giống với cuộc hành trình vạn dặm, giải quyết tình trạng kiệt sức ở giáo viên chỉ cần bắt đầu với một bước duy nhất. Một giáo viên yêu cầu sự giúp đỡ thay vì tự mình bối rối trong thất vọng; một nhà quản lý đưa ra các sáng kiến tự chăm sóc bản thân; một nhà hoạch định chính sách vận động tài trợ cho các hội thảo liên quan đến kiệt sức và phòng chống nó. Tin tốt là gì? Bắt đầu một bước chân là một công việc không khó. Bất cứ khi nào có thể, tất cả chúng ta đều nên “bước từng bước” để tạo ra những thay đổi như vậy - cho chính chúng ta, cho học sinh của chúng ta, cho đất nước của chúng ta và cho thế giới của chúng ta.



ĐÃ ĐẾN LÚC NGỪNG BẮT HỌC SINH “TÌM Ý CHÍNH TOÀN BÀI” VÀ ÁP DỤNG MỘT PHƯƠNG PHÁP DẠY ĐỌC MỚI

¹Holly Korbey
Minh Trang lược dịch

Dựa trên nghiên cứu chứng minh kiến thức nền thay vì kỹ năng chung như “tìm nội chính của văn bản” mới là yếu tố quan trọng hơn để thực sự hiểu văn bản, một số trường đang thay đổi cách dạy đọc hiểu.

¹ Nguồn: <https://www.edutopia.org/article/it-time-drop-finding-main-idea-and-teach-reading-new-way>

Đầu năm học này, hai giáo viên ở trường tiểu học và THCS John Ruhrah Darene Parry và Megan Healy đã thực sự đào sâu vào bài giảng về trái tim con người. Họ cho học sinh lớp 4 của mình xem các biểu đồ giải phẫu học và giới thiệu các từ vựng như ‘cardio’ (các bài tập giúp kiểm soát và hỗ trợ nhịp tim) và ‘circulatory’ (lưu thông máu). Thật ngạc nhiên là bài học về “để có một trái tim khỏe” nặng thuật ngữ và nghiên cứu khoa học lại

không phải là một bài giảng trong lớp khoa học mà thay vào đó là một lớp Mỹ thuật tiếng Anh (ELA).

Parry, giáo viên chương trình giảng dạy liên môn tại một trường ở Baltimore, Maryland chia sẻ: “Học sinh thấy được liên kết giữa các kiến thức học được trong lớp Mỹ thuật với các môn học khác.” Ở trường, các môn học thường thống nhất lựa chọn cùng một chủ đề và giúp các em tiếp cận qua nhiều lăng kính khác nhau. Học sinh phần lớn đều học tiếng Anh. “Các em thường nghĩ sẽ được học những kiến thức đó trong một lớp học khác. Tuy vậy, tôi không nghĩ các em thắc mắc tại sao mình gặp cùng những chủ đề đó trong lớp Mỹ thuật.”

Parry, Healy và đồng nghiệp của cả hai ở các trường công tại thành phố Baltimore là thành viên của một nhóm các nhà giáo dục đang thay đổi chương trình dạy đọc hiểu ELA truyền thống, đưa cho học sinh hàng tá những chủ đề mới toanh rồi dạy chúng các kỹ năng như “tìm nội dung chính của văn bản” hay “tóm tắt văn bản”. Theo các quận và hệ thống các trường học ở Baltimore, cách tiếp cận lấy-kỹ-năng-làm-gốc để dạy đọc hiểu chỉ đạt hiệu quả thấp trong việc nâng cao kỹ năng đọc hiểu của học sinh, đồng thời “ngó lơ” luôn kết quả của nhiều nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của kiến thức nền tảng trong học hiểu.

Natalie Wexler, một nhà báo giáo dục, đồng thời là tác giả của cuốn *The Knowledge Gap* (tạm dịch: *Khoảng trống kiến thức*) - người đã dành hẳn 2 năm quan sát cách các trường tiểu học dạy đọc hiểu, nhận định rằng: “Học sinh được trang bị kiến thức nền tảng có cơ hội tốt hơn để hiểu bất cứ văn bản nào. Các em có thể dung nạp được nhiều thông tin hơn về chủ đề vào bộ nhớ dài hạn (long-term memory), từ đó có thêm khoảng trống trong bộ nhớ làm việc (working memory) dành cho việc hiểu sâu văn bản. Các em cũng có

khả năng tiếp thu và tái thiết lập thông tin tốt hơn vì kiến thức giống như Velcro vậy, các em sẽ nhớ lâu hơn khi liên kết được chúng với các kiến thức liên quan.”

Mở rộng phạm vi ứng dụng

3 năm trước, một nhóm hiệu trưởng của các trường học tại thành phố Baltimore đã đặt ra một nhiệm vụ quan trọng, đó là biên soạn một chương trình giảng dạy đọc hiểu mới cho toàn quận với mục tiêu nâng cao kỹ năng đọc hiểu của học sinh.

Điểm số môn đọc của học sinh trên toàn quận đã giảm suốt 10 năm nay và cho tới năm 2017, họ tụt hậu so với hầu hết các quận khác. Dựa trên kết quả bài kiểm tra đọc hiểu dựa trên Các đánh giá quốc gia về giáo dục tiến bộ (National Assessment of Educational Progress), chỉ 13% học sinh lớp 4 và 8 có kỹ năng đọc hiểu tốt. Ở các quận lớn hơn thuộc thành phố Baltimore, điểm môn đọc hiểu cũng không đồng đều mà dàn trải theo sắc tộc và điều kiện kinh tế xã hội của từng học sinh. Trong đó, những học sinh ở gia đình có thu nhập thấp hoặc da màu có điểm số thấp hơn các em có điều kiện kinh tế khá giả hoặc da trắng tới ít nhất 20 điểm.

Nghiên cứu sâu hơn về khoa học nhận thức trong đọc hiểu, họ quả quyết rằng so với tầm trọng của các kỹ năng đọc hiểu giáo dục theo đuổi và đề cao suốt gần ấy năm, kiến thức nền về các chủ đề khác như xã hội học, khoa học và mỹ thuật giữ vai trò quan trọng hơn nhiều.

Nghiên cứu về bóng chày mang tính bước ngoặt của Donna Recht và Lauren Leslie cho thấy những người đọc kém hơn nhưng hiểu biết sâu về bóng chày hoàn thành bài kiểm tra đọc hiểu về bóng chày tốt hơn những người có kỹ năng đọc hiểu tốt nhưng không biết gì về bóng chày. Trong một nghiên cứu khác, những học sinh cấp 3 đã tiếp cận với những chủ đề lớn như hệ sinh thái

có kết quả bài kiểm tra đọc hiểu về chủ đề này tốt hơn hẳn so với những em chưa từng tiếp xúc qua. Đối với những học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoặc da màu, sự khác biệt trong kết quả bài kiểm tra lại càng rõ ràng hơn.

Heidi Foley, giáo viên đọc của John Ruhrah nói: “Tôi nghĩ đã có đủ nghiên cứu chỉ ra rằng việc chỉ dạy các chiến lược áp dụng làm bài đọc hiểu là không hiệu quả trong việc giúp học sinh tự đọc được các văn bản khó.”

Dựa vào những kết quả tìm được, vào năm 2018, thành phố Baltimore quyết định thay đổi chương trình ELA truyền thống và triển khai Wit and Wisdom - chương trình giảng dạy gắn liền với phát triển kỹ năng đọc hiểu chú trọng đến nội dung môn học cho tất cả học sinh K-8.

Hiện nay, học sinh ở Baltimore vẫn đang học bộ kỹ năng ELA cũ gồm đọc hiểu, ngôn ngữ tượng hình và đọc hiểu bằng cách đưa chúng vào các khái niệm các em được học trong các tiết khoa học xã hội. Tức là, khi tìm hiểu về thời kỳ thuộc địa của Mỹ, học sinh phải đọc thêm các tài liệu liên quan về Cách mạng nước Mỹ, tổ chức một buổi chuyên đề về Socrate từ những ngày đầu của cuộc chiến và sau đó viết một bài luận sử dụng từ vựng các em được học trong ELA để bảo vệ 1 quan điểm.

Làm thế nào bộ não hiểu được các thông tin bạn tiếp nhận qua việc đọc?

Nhà báo Natalie Wexler và nhiều nhà khoa học nghiên cứu về khoa học nhận thức cho rằng nhiều nhà giáo dục vẫn chưa hiểu được cơ chế của khoa học nhận thức trong đọc hiểu - và vai trò to lớn của điều kiện gia đình và kiến thức nền tảng - nên vẫn tiếp tục soạn và đưa ra các bài kiểm tra và bài tập vô tình làm giảm hiệu quả học tập của học sinh. Được tiếp cận nguồn tài nguyên dồi dào, một đứa trẻ sinh ra trong một gia đình tâm trung hoặc khá giả thường có nhiều cơ hội đi

du lịch, tham gia các sự kiện hoặc có những trải nghiệm làm sâu sắc hơn nền tảng kiến thức văn hóa và xã hội của mình. Những trải nghiệm đó chính là nền tảng để chúng xử lý và hiểu rõ hơn các đoạn đọc hiểu khó. Đây cũng chính là điều các bạn đồng trang lứa kém may mắn hơn thiếu cơ hội tiếp cận.

Daniel Willingham, nhà tâm lý học nhận thức thuộc trường Đại học Virginia, đồng thời là tác giả cuốn *The Reading Mind: A Cognitive Approach to Understanding How the minds Read* (tạm dịch: Tư duy đọc: Cách tiếp cận từ khoa học nhận thức để hiểu hơn về cơ chế của bộ não khi đọc) nói: “Các bài kiểm tra đọc thực chất là các bài kiểm tra kiến thức “trá hình”.”

Willingham cho biết để hiểu được 1 văn bản phức tạp, não bộ trải qua 3 quá trình: lấy ý trong từng câu đơn; kết nối các câu và nội dung được truyền tải, từ đó tìm ra từng tầng ý nghĩa; bước cuối cùng là hình thành và khái quát hóa, hiểu sâu toàn bộ văn bản. Trong khi những kỹ năng ngôn ngữ nói mạnh mẽ - chẳng hạn như có hiểu biết sâu rộng về cú pháp và ngữ dụng - có thể giúp người đọc tiến xa trong nhận thức; thì khi bắt đầu tiếp cận các văn bản dài và phức tạp hơn, độc giả cần nhiều thông tin về chủ đề hơn để nắm bắt được nội dung và thông điệp văn bản muốn truyền tải.

Kiến thức nền tảng về không chỉ về vấn đề được nhắc đến trong văn bản mà còn về thế giới nói chung thực sự đóng vai trò quan trọng giúp học sinh hiểu được văn bản. Chúng vận hành hết như một giàn đỡ để từ đó dựng nên một hình mẫu nhận thức hoàn chỉnh và linh hoạt hơn khi nhắc đến chủ thể của vấn đề. Các độc giả chưa trang bị cho mình kiến thức nền tảng tựa như một hình mẫu không có giàn đỡ. Nói cách khác, não bộ của họ không có nền tảng để xử lý thông tin mới được tiếp nhận.

Câu hỏi đặt ra cho chương trình giảng dạy

Willingham cho biết để dạy được những tiết học nặng kiến thức nhằm nâng cao khả năng đọc hiểu của học sinh, giáo viên cần chú trọng xây dựng chương trình học tuần tự và chặt chẽ, liên kết được với kiến thức nền tảng trải dài trên nhiều lĩnh vực để không học sinh nào “bị hẫng” khi đọc. Khi các nghiên cứu về chương trình học tương tự Wit and Wisdom của Baltimore được tiến hành càng nhiều, các kết quả đầu tiên thu được đang hứa hẹn một tương lai khả quan. Các nghiên cứu thí điểm dài hạn của chương trình *Core Knowledge* (tạm dịch: *Kiến thức nền tảng*) thực hiện tại một số trường ở Denver và New York của E.D. Hirsch đã cho ra những kết quả vô cùng khả quan về kỹ năng ELA của học sinh. Các nghiên cứu quy mô nhỏ bao gồm chương trình *Bookworms* mới (tạm dịch: *Mọt sách*) đã cải thiện đáng kể kỹ năng đọc hiểu của học sinh khi so sánh với hiệu quả của phương pháp dạy đọc hiểu truyền thống.

Tiếp gót các trường công ở Baltimore, nhiều quận cũng bắt đầu ứng dụng khoa học nhận thức vào việc đọc và thực hiện một bước tiến táo bạo - nâng cấp phương pháp ELA họ vẫn dùng trong từng ấy năm.

Ở Louisiana, theo ghi nhận từ nghiên cứu, chương trình mới hoàn toàn được các nhà giáo dục của bang biên soạn và hướng dẫn đã tạo nên một cú hích trong điểm số môn đọc của các em học sinh tiểu học. So với điểm vài năm trước, con số chênh lệch là 7 điểm.

Dana Talley, người góp công trong việc đưa chương trình mới này vào áp dụng tại các trường ở nửa phía nam bang nói: “Kỹ năng và chiến lược đọc đã hết thời rồi.” Mặc dù giáo viên gặp đôi chút khó khăn ban đầu nhưng Talley nói họ được cho thời gian để thực sự hiểu được phương pháp dạy mới này, đồng thời có không gian để cải thiện kỹ năng của chính mình. “Giờ tôi mà thốt một chữ “kỹ năng” trước mặt những người dạy ELA, họ sẽ ném ngay cho tôi những ánh nhìn thiếu thiện cảm mất.”

Các trường học ở Louisiana cũng quyết tâm tìm xem liệu đầu tư của họ vào kiến thức nền tảng có đáng giá hay không. Trước đại dịch, bang đã bắt đầu thí điểm các bài kiểm tra ELA dựa trên nội dung học sinh được học thay vì các bài kiểm tra chỉ nhằm đánh giá kỹ năng chung của học sinh.





DẠNG HÌNH TIN TỨC

Emily Boudreau | LISA lược dịch

Cách các nhà giáo dục có thể sử dụng tin tức như một công cụ để thúc đẩy các kỹ năng tư duy phản biện

Kỹ năng tư duy phản biện - phân tích sự kiện để suy ngẫm đưa ra quyết định sáng suốt - là điều cần thiết cho học sinh khi tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Tuy nhiên, trong thời đại tin tức biến chuyển với tốc độ cực nhanh ngày nay, học sinh càng ngày càng khó phân biệt giữa thực tế với những điều không có thực để đưa ra được những quyết định đúng đắn. Điều này lại càng đặc biệt đúng trong đại dịch COVID-19.

Một báo cáo giáo dục mới từ PIL (Project Information Literacy - Dự án Thông tin Văn học) sử dụng 100 ngày đầu tiên của câu chuyện COVID-19 để giúp các giáo viên, học sinh và sinh viên nắm bắt lại được tin tức từ những ngày đầu tiên và suy nghĩ phản biện về cách mà báo chí định hình câu chuyện quốc gia. Và từ đó, xác định được những gì chúng ta nhìn thấy và học hỏi, những gì chúng ta nghĩ, bản chất của chúng ta.

Điều tra viên chính thức Alison Head cho biết: "Quen thuộc với tin tức là một cách luyện tập thực tiễn xã hội mạnh mẽ, giúp nâng cao dân trí. Trong nghiên cứu năm 2018 về mức độ tiếp cận tin tức, chúng tôi nhận thấy cứ 10 học sinh thì sẽ có 7 em nhận được tin tức từ lớp học, vì vậy lần này chúng tôi hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi tập trung vào virus Corona, câu chuyện lớn nhất của thế kỷ, và biến nó thành một quá trình học hỏi kinh nghiệm độc nhất và kịp thời trong một năm bầu cử đầy khó khăn?"

Theo Head, tài liệu mới này nhấn mạnh hai lĩnh vực phát triển quan trọng:

1. Tự chủ trong định hình thông tin. Head nói rằng đây là khả năng để giành lại quyền kiểm soát tin tức. Cần phải kéo trở lại và xem xét

"dáng hình tin tức" để xác định các chủ đề và các phần thông tin cực kỳ quan trọng. Để giúp học sinh xây dựng kỹ năng này, phần đầu tiên của bản báo cáo trình bày các biểu đồ tương tác và tường thuật các mốc thời gian cụ thể để thể hiện sự phát triển của câu chuyện COVID-19 theo trình tự thời gian. Tài nguyên học tập bao gồm các bài tập để xem các câu chuyện tin tức phát triển và quản lý sự chú ý của người đọc theo thời gian như thế nào.

2. Đọc hiểu trực quan là khả năng hiểu cách bố cục và cách trình bày các hình ảnh để bổ sung ý nghĩa cho một sự kiện tin tức, đồng thời gợi ra những phản ứng cảm xúc nhất định. Phần thứ hai của báo cáo xem xét hình ảnh tin tức về virus corona và vai trò của ánh sáng, góc độ hoặc cách cắt xén ảnh trong một thông điệp trực quan có thể nhìn thấy.

Trong bối cảnh lớp học, các nhà giáo dục có thể sử dụng nghiên cứu này như một nguồn tài liệu đọc và giảng dạy để gợi mở các câu hỏi của học sinh và phát triển kiến thức của người dân. Dưới đây là một vài hoạt động và câu hỏi để thúc đẩy tư duy trong lớp học được phát triển bởi nhóm PIL.

Hiểu bối cảnh tin tức

Dựa trên chính trải nghiệm của học sinh, hỏi xem các em nhớ những câu chuyện hay hình ảnh tin tức nào từ đầu đại dịch. Những câu chuyện đã đến tai các em như thế nào? Các em tìm thấy tin tức ở đâu? Làm thế nào các em biết rằng tin tức này là đáng tin cậy?

So sánh các nguồn tin tức

- So sánh hai tin tức trong cùng một ngày từ hai nguồn khác nhau hoặc hai tin tức cùng một nguồn nhưng được đăng vào các thời điểm khác nhau. Có gì giống? Có gì khác? Tiếng nói của nhóm người nào đang được đưa ra? Những giả định nào có thể xảy ra về người đọc tin tức đó?

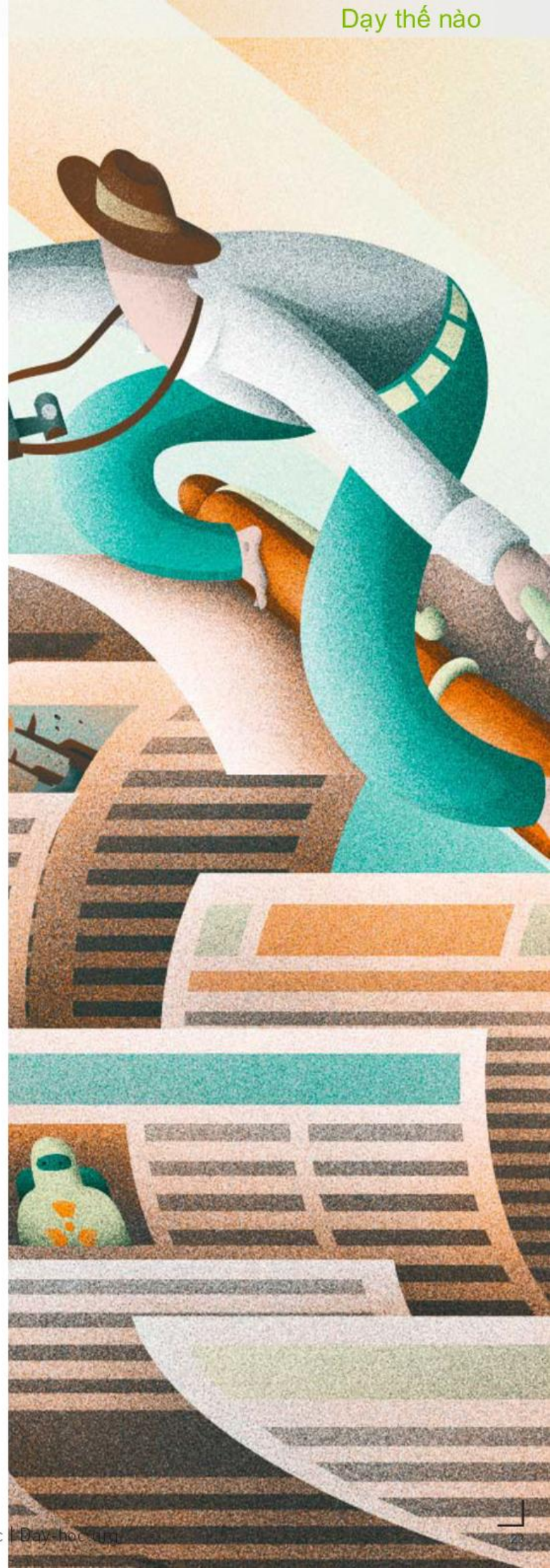
- So sánh hai hình ảnh từ bài báo cáo. Kỹ thuật hình ảnh có đóng góp như thế nào đến phản hồi của các em? Điểm chung của các kỹ thuật hình ảnh là gì? Có gì khác biệt? Ai được giới thiệu trong hình ảnh tin tức đó?

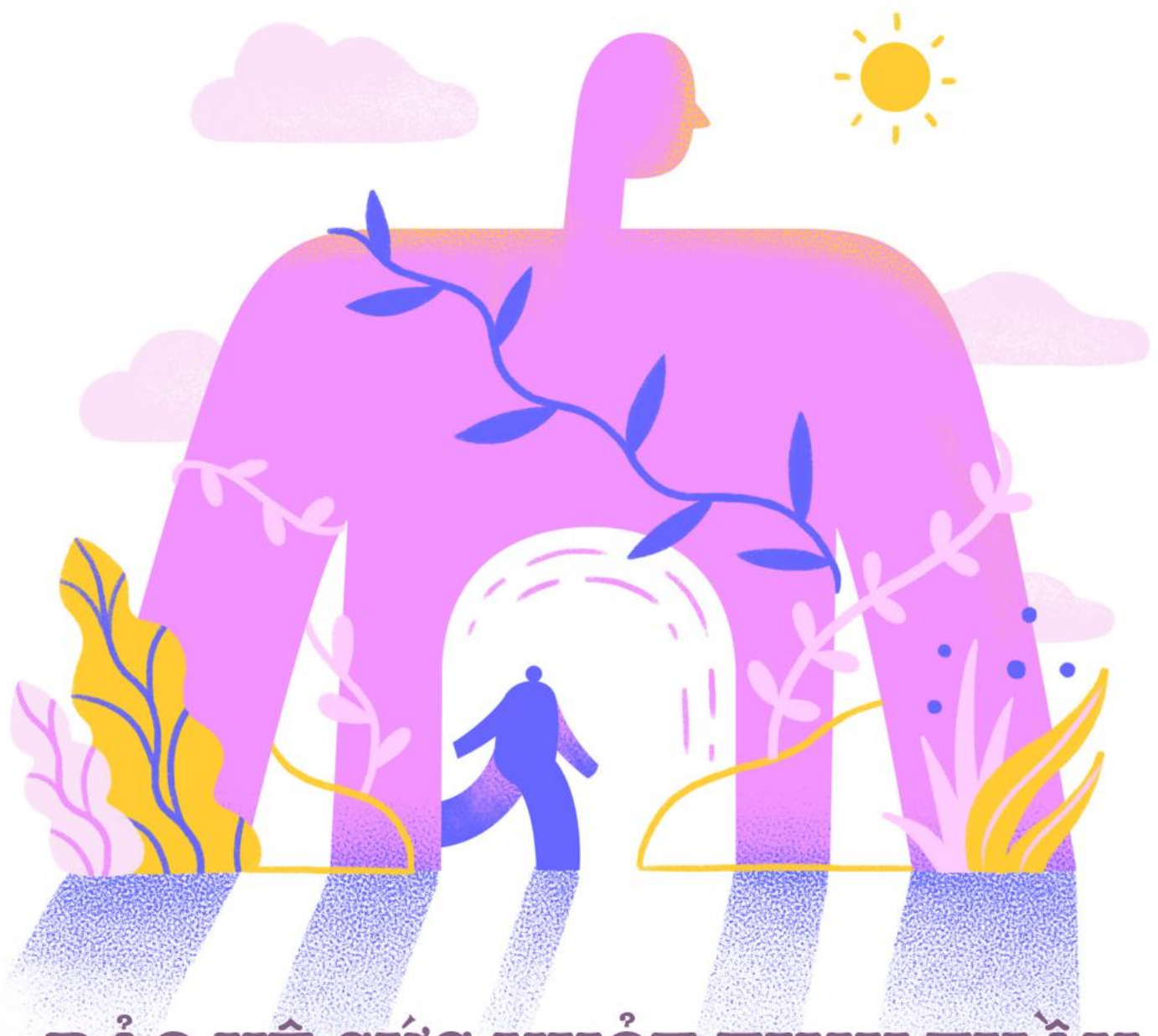
Điều tra

- Có nhóm người nào bị bỏ ngoài ngoài phạm vi của bài báo cáo không? Ai? Và tại sao giới truyền thông lại không chú ý đến họ?
- Chọn một nhân vật hoặc một nhà lãnh đạo nổi tiếng thường xuyên xuất hiện trên bản tin. Phản ứng của họ được các hãng tin miêu tả theo thời gian như thế nào?
- Chọn một hình ảnh cụ thể. Tìm hiểu xem nó được xuất bản lần đầu lúc nào và ở đâu, và những nơi mà nó được sử dụng lại. Hình ảnh đó có bị cắt không? Nếu có, nó đã bị cắt những gì?

Tóm lại, các ý quan trọng các nhà giáo dục cần lưu ý là:

- Tập trung vào “dáng hình” của tin tức để hiểu các xu hướng chính và cách những xu hướng đó định hình quan điểm của cộng đồng.
- Lưu ý rằng các hình ảnh trực quan cũng là một công cụ truyền tải thông tin.
- Luôn đặt câu hỏi ý kiến của nhóm người nào đang được đại diện trong tin tức đó, và ai là người đưa ra, kể ra câu chuyện này.





BẢO VỆ SỨC KHỎE TINH THẦN TRONG MỘT THỜI KỲ BẤT ỔN

¹Sian Beilock² | Thúy Quỳnh dịch
Dịch bệnh đang làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của sinh viên, các trường đại học cần giúp đỡ họ trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Một cuộc gặp qua Zoom với 12 sinh viên năm

¹ Nguồn: <https://hechingerreport.org/opinion-students-need-tools-to-safeguard-their-mental-health-in-un-certain-times/>

² Tác giả Sian Beilock là một nhà khoa học về nhận thức, chủ tịch Hội đồng trường Barnard thuộc Đại học Columbia.

nhất đã được thực hiện để lắng nghe trải nghiệm của họ trong một năm đầu tiên vừa qua tại trường Đại học Barnard.

Mặc dù họ cho rằng mình có sự gắn kết với những lớp học, một nhận xét mà mọi nhà quản lý của trường đại học nào cũng muốn nhận được, thì những từ như không dễ dàng, lo âu, không chắc chắn được nhắc đến thường xuyên trong quá trình chúng tôi nói chuyện.

Những nữ sinh viên ở trường Barnard không hề đơn độc trong những thử thách ấy. Một cuộc phân tích ý kiến trên Twitter được với mục đích tìm hiểu về tình trạng sức khỏe tâm lý của cộng đồng đã lưu lại những từ hay cụm từ tương tự như trên và đề cập rằng tỉ lệ lo âu, áp lực và trầm cảm vào mùa xuân năm 2020 cao hơn đáng kể so với thời gian này của năm 2019.

Thật dễ dàng để cho rằng nguyên nhân của những cảm xúc ấy đến từ những sự kiện diễn ra trên thế giới hiện nay. Theo một nghiên cứu gần đây được thực hiện bởi Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC)³, gần 75% người Mỹ trong độ tuổi từ 18 đến 24 cho thấy vấn đề về sức khỏe tâm lý và hành vi xuất hiện cùng với tình hình dịch bệnh.

Những cuộc khảo sát khác xác nhận sự gia tăng áp đảo của căng thẳng, áp lực trong suốt khoảng thời gian này. 79% người lớn thuộc “thế hệ Z”⁴ (tuổi từ 18 đến 23) tại Mỹ nói rằng tương lai của đất nước này là nguyên nhân chính dẫn đến stress trong cuộc sống của họ trong khi đó riêng vấn đề về biến đổi khí hậu đã khiến 57% số lượng thanh thiếu niên Mỹ cảm thấy lo sợ.

Sự đứt gãy trong những hoạt động thường ngày, chẳng hạn dụ như việc không được đến trường học đã khiến 46% người trẻ cảm thấy rằng họ thiếu đi mục đích sống và coi đó là một nguyên nhân thúc đẩy đằng sau sự gia tăng mối lo âu của họ.

Nghiên cứu tâm lý học chỉ ra rằng bản thân sự không chắc chắn thường chính là yếu tố thúc đẩy cho tình trạng lo lắng ngày càng gia tăng.

³ Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC), tiếng Anh: Centers for Disease Control and Prevention, là một cơ quan thuộc Bộ Y tế và Dịch vụ nhân sinh Hoa Kỳ

⁴ Thế hệ Z, tiếng Anh: Gen Z, là những người sinh từ khoảng giữa đến cuối thập niên 1990 cho đến những năm đầu thập niên 2010. Họ đều sử dụng công nghệ kỹ thuật từ nhỏ và cảm thấy thoải mái với Internet và các phương tiện truyền thông xã hội.

Không phải những sự kiện đã diễn ra mà chính là những giả định theo kiểu “điều gì sẽ xảy ra nếu như” xung quanh các sự kiện ấy khiến chúng ta thấy hoảng loạn.

Nghiên cứu tôi cũng cho thấy khi con người sợ học toán thì một tín hiệu cảnh báo thần kinh cũng được kích hoạt trong não họ trước mỗi bài kiểm tra toán chứ không phải trong quá trình làm bài hay sau khi đó. Sự bất an của chúng ta đến từ những nỗi lo về việc điều gì sẽ và có thể xảy ra.

Điều này đặc biệt đúng đối với người trẻ. Họ chưa từng đi qua những trải nghiệm tương tự để có thể rút ra những bài học của riêng mình. Do đó, riêng việc nhìn nhận được đúng đắn bản chất của sự “không chắc chắn” này đã là một thử thách.

Đây cũng chính là nguyên nhân mà liệu pháp tự phơi nhiễm⁵ đã chứng minh sự hiệu quả khi áp dụng cho người trẻ trong quá trình đối phó với sự lo âu bởi nó buộc họ phải trải qua những kết quả mà họ cảm thấy sợ để thấy được rằng kết quả thực sự có thể lại không tệ đến vậy.

Một tin vui đó là sở trường của giáo dục đại học là làm giảm đi lối tư duy theo những câu hỏi “điều gì sẽ xảy ra nếu như” của người trẻ, bởi đại học mang đến những sự kiện trước đây cùng với hướng suy nghĩ mới về thế giới, xu hướng của những dữ liệu thống kê và dự đoán cho những sự kiện tiếp theo.

Các trường đại học nên giúp đỡ và khuyến khích các giảng viên tìm ra cách để cung cấp cho sinh viên thêm những kinh nghiệm cần để mang tới khả năng làm chủ tốt hơn đối với những sự kiện bất ngờ khác mà chúng ta có thể phải trải qua trong tương lai. Cách tốt nhất để chiến thắng lối nghĩ “điều gì sẽ xảy ra nếu như” ấy đến từ tri thức về việc điều gì có khả năng sẽ xảy ra.

⁵ Liệu pháp tự phơi nhiễm, tiếng Anh: Exposure therapy, là phương pháp điều trị hành vi chính thường được sử dụng với chứng rối loạn ám ảnh cưỡng chế (OCD)

Tin không vui chính là hầu như các trường đại học đang không chủ động tiếp cận đến cách thức giảng dạy này trong năm vừa rồi. Thay vào đó những chủ tịch hội đồng trường thường tập trung cụ thể vào những vấn đề không được biết ra như việc mở cửa lại trường học có an toàn không và có thể duy trì được việc ấy không hay làm thế nào để ngăn chặn sinh viên khỏi việc giao lưu?

Một cách tự nhiên, mỗi tập trung hạn hẹp này mang đến nhiều hơn sự thiếu chắc chắn và ít hơn khả năng giải quyết được chúng.

Tại trường Barnard, khi chúng tôi quyết định rằng việc học sẽ được thực hiện hoàn toàn từ xa, có những môn học đã được xây dựng để thích hợp với tình hình hiện tại như một vi sinh học tập trung nghiên cứu chủ yếu đến vi-rút Corona hay một môn học khác nói về lịch sử của công việc chăm sóc y tế hay một môn học về khoa học môi trường có thể giúp sinh viên vận dụng những câu hỏi khoa học tới hệ sinh thái trong chính vùng đất quê hương của họ.

Tất cả những sinh viên năm nhất cũng tham gia một môn học mới được đặt tên là "Những vấn đề lớn: Thấu hiểu năm 2020" giúp thúc đẩy sinh viên quan tâm về đại dịch Covid-19, bạo lực phân biệt người da đen và những sự kiện gần đây khác có thể hé lộ điều gì về kiến thức khoa học, cơ cấu quyền lực đang có hiện nay, những hệ thống giá trị trong lịch sử và những cách thức mà các nhà nước, thể chế có thể góp phần thiết lập và gia tăng tình trạng bất bình đẳng. Hoạt động thảo luận trong những môn học này thường không diễn ra thoải mái và điều này không có gì bất thường, tuy nhiên chúng tôi đang cố gắng cải thiện theo từng ngày. Đưa ra những lý giải về các trải nghiệm cho sinh viên thông qua những chủ đề khó giúp cho mài giũa được bất kể quan điểm nào mà chúng có cùng với hy vọng trang bị cho sinh viên thêm nhiều điều để tiếp tục thảo luận những vấn đề ấy bên ngoài phạm vi lớp học.

Chúng tôi cũng khởi xướng một chương trình có tên ThirdSpace® trong đó kết nối sinh viên cùng những nhà hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành học của họ để cùng nhau tạo ra những thay đổi. Một báo cáo năm 2019 về thiên hướng hoạt động của Thế hệ Z cho thấy gần gần 3 phần 4 những người trong nhóm này tin rằng việc quan tâm, tham gia tới những khía cạnh về chính trị là một phần quan trọng đối với danh tính, giá trị cá nhân của họ.

Nhưng 55% nói rằng họ thấy mình không có khả năng tham dự vào những vấn đề chính trị xã hội bởi họ không biết mình cần liên lạc tới ai hay tổ chức nào để bày tỏ sự ủng hộ. ThirdSpace® được thiết lập để đáp ứng mong muốn này, cho sinh viên những công cụ và sự chỉ dẫn để đóng góp một cách hiệu quả vào civic structures đang có mà được xây dựng xung quanh những thử thách lớn nhất mà chúng ta đang phải đối mặt hiện nay. Ở thời điểm mà các trường đại học đều đang chiếm lĩnh các trang tin tức chính với việc họ đang theo dõi các ca Covid như thế nào, thì thật mỉa mai khi chính các trường đại học lại đang bỏ lỡ một phần vô cùng quan trọng về sự an toàn của sinh viên.

Điều này không chỉ liên quan tới việc chúng ta theo sát các ca bệnh mà còn là một cuộc kiểm nghiệm nghiêm túc về cách chúng ta trang bị cho sinh viên những nguồn lực cần thiết để bảo vệ được sức khỏe tâm lý trong thời đại này.

Sinh viên vốn đã phải đối diện với rất nhiều điều không chắc chắn. Các trường đại học thì lại đang ở vị trí hoàn hảo để đóng vai trò là kho tàng kiến thức quý giá và giúp sinh viên có được những công cụ chúng cần để mạnh mẽ và thoải mái hơn khi vượt qua giai đoạn bất ổn này.



LÀM THẾ NÀO ĐỂ HỌC SINH LUÔN HỨNG THÚ TRONG LỚP HỌC?

Tristan de Frondeville | Minh Khuê dịch

Khi trẻ em xao nhãng, chúng sẽ mất đi thời gian học quý giá. Bài viết dưới đây cung cấp 10 cách thông minh giúp trẻ hứng thú và tập trung hơn trong lớp học.

Bạn đã bao giờ cảm thấy thất vọng khi tham gia một cuộc họp mà ở đó đồng nghiệp của bạn không thật sự tập trung chưa? Ngồi chấm điểm bài tập về nhà? Nhắn tin tán gẫu? Nói chuyện riêng? Trẻ em cũng không mấy khác so với người lớn: Khi mất hứng thú học tập, chúng cũng sẽ cố gắng tìm những việc khác thú vị hơn để làm.

Khiến lũ trẻ tập trung, phấn chấn và bắt tay vào việc học ngay từ đầu giờ có thể nói là một thử thách khó khăn đối với phần lớn giáo viên. Ép chúng học đồng nghĩa với việc phải chứng kiến cảnh chúng uể oải và mất tập trung. Điều này chẳng có gì lạ. Sau cùng, bất cứ ai phải ngồi một chỗ và tiếp nhận kiến thức trong một khoảng thời gian dài - tất nhiên, bao gồm việc ngồi nghe giáo viên giảng bài - một lúc nào đó, đều tập trung và dần vơi đi hứng thú học tập.

Dù vậy, trừ khi bạn thực sự cố gắng thu hút sự chú ý và giữ học sinh luôn tập trung ngay đầu giờ hay giữa giờ, không thì bạn có muốn thúc đẩy động cơ học tập của học sinh tới mức nào thì “động cơ” này thực ra còn chưa được khởi động.

Từ thời gian chết đến học chủ động

Tôi gọi khoảng thời gian thiếu gắn kết vào lớp học là thời gian chết. Thời gian chết gián đoạn việc học của học sinh và không may là nó có tính “lây lan”. Nó khiến học sinh trong giờ giảng tự hỏi: “Tại sao mình phải chú ý nghe giảng trong khi những người khác thì không?”. Việc để thời gian chết là vô cùng nguy hiểm. Do đó, tôi luôn cố gắng ngăn nó xảy ra (dù chỉ là một dấu hiệu nhỏ).

Trái ngược với khái niệm thời gian chết, học tập và

lắng nghe chủ động - hai trạng thái mà ở đó học sinh cần phải có ý thức và tự nguyện tham gia xây dựng lớp học với các bạn và giáo viên của mình. Trong cuốn “*Inspiring Active Learning*” (tạm dịch: “*Cảm hứng học tập chủ động*”), Merrill Harmon và Melanie Toth đưa ra mô hình cái thang mô tả bốn bậc động lực học tập của học sinh.

Học sinh ở bậc 4 - bậc thấp nhất - là những em trốn tránh công việc, còn những học sinh ở bậc 3 là những em học tập và làm việc một cách hời hợt. Gần đỉnh thang là những học sinh có trách nhiệm, và cuối cùng, trên đỉnh là những học sinh thực sự chủ động trong việc học.

Với cương vị một giáo viên và cố vấn của các chương trình học tập qua dự án, tôi luôn quan tâm đến bốn bậc đánh giá mức độ tham gia của học sinh trong lớp. Tôi phát hiện ra rằng rất khó để giữ học sinh luôn tập trung vào bài giảng của giáo viên. Điều tương tự cũng xảy ra đối với các nhóm học qua dự án của tôi, đặc biệt đối với các thành viên chưa quen với yêu cầu về tính độc lập và tự giác của cách học này.

Đôi khi chỉ là một cá nhân, nhưng cũng có lúc cả nhóm dường như không chú ý. Qua nhiều năm, tôi đã rút ra một loạt các phương pháp để loại bỏ thời gian chết, giúp học sinh cải thiện thứ bậc của mình trên thang học tập chủ động.

Tạo dựng kho tư liệu cá nhân

Loại bỏ thời gian chết bắt đầu bằng việc tạo ra một kho các thói quen và hoạt động. Đó có thể là các hoạt động đa-mục-đích áp dụng được ở nhiều môn học, hoặc các phong cách giảng dạy, hoặc các hoạt động với định hướng nội dung cụ thể cho phép học sinh học bằng nhiều cách khác nhau thay vì chỉ nghe và ghi nhớ thông thường. Bạn có thể đưa vào một vài hoạt động thể chất giúp trẻ giải phóng năng lượng bị kìm nén. Bên cạnh đó, việc tạo cho trẻ khoảng thời gian riêng sẽ kích thích khả năng suy nghĩ của chúng. Giáo

viên cũng có thể sát sao hơn đối với những cuộc hội thoại giữa học sinh trong lớp để đảm bảo rằng chủ đề cuộc trò chuyện vẫn hoàn toàn nằm trong phạm vi bài học.

Phát triển những hoạt động như thế này tuy mất thời gian ban đầu, nhưng thành quả - xét trong mảng quản lý lớp học và học tập nói chung - lại vô cùng xứng đáng với những nỗ lực bỏ ra. Bằng việc xây dựng một kho các hoạt động, tôi hiếm khi gặp khó khăn trong việc khiến lũ trẻ chú tâm lại vào bài giảng của mình.

10 quy tắc gắn kết

1. Bắt đầu lớp học với hoạt động khởi động trí óc

Hoạt động khởi động trí óc cơ bản là yêu cầu học sinh tìm lỗi sai trong những thông tin được giáo viên viết trên bảng. (Bạn có thể sử dụng phương pháp này trong bất kỳ môn học nào). Nhưng thay vì yêu cầu học sinh giữ trật tự và làm việc một mình rồi hỏi và gọi từng em trả lời thì hãy chia học sinh của mình thành các nhóm, đồng thời, tạo một cuộc cạnh tranh giữa các nhóm. Việc này sẽ giúp bạn loại bỏ những yếu tố tiềm tàng dẫn đến tình trạng thời gian chết trong lớp.

Cách làm: Chia lớp thành các nhóm ba học sinh, yêu cầu chúng yên lặng làm việc cùng nhau và giơ tay khi tìm ra lỗi sai. Sau khi nhóm thứ nhất trả lời xong, hãy dành một ít thời gian cho những nhóm còn lại xác định tổng số lỗi sai trong bài, rồi đếm đến ba để các nhóm cùng giơ tay. Nhóm tìm thấy nhiều lỗi sai nhất sẽ giải thích câu trả lời của mình cho đến khi có nhóm phản biện một cách lịch sự hoặc tới khi tất cả hoàn thành câu trả lời.

2. Sử dụng các bài tập vận động giúp học sinh tập trung trong lớp học

Hãy yêu cầu học sinh đứng sau bàn của mình rồi cùng nhau thực hiện một vài bài vận động đơn giản. Vì những bài tập này sẽ khiến phần lớn học

sinh cảm thấy phấn chấn hơn, từ đó dễ dàng hơn cho giáo viên trong việc hướng hoàn toàn sự tập trung của các em vào bài giảng. Phương pháp này có thể trở thành một trong những phương pháp ưa thích của giáo viên khi muốn học sinh tập trung, đồng thời loại bỏ những khoảng thời gian chết trong lớp học.

Đối với khối tiểu học, bạn có thể áp dụng cách làm sau: dạy học sinh các kiểu vỗ tay kết hợp hát một bài ca dao hoặc đọc một bài về về các kiến thức toán học. Có thể thêm những cái giậm chân hoặc vỗ tay theo cặp để tạo sự đa dạng cho bài vận động.

Đối với khối trung học cơ sở, cách làm như sau: Bạn hãy tạo một giai điệu bằng cách búng ngón tay hoặc vỗ tay rồi yêu cầu học sinh bắt chước. Hãy thay đổi giai điệu và kiểu vỗ sau khoảng từ 15 đến 20 giây để thử thách sự chú ý của học sinh và khiến học sinh háo hức tham gia vào bài vận động hơn.

Cách làm tiếp theo có thể ứng dụng với tất cả các khối, bao gồm cả khối trung học phổ thông: yêu cầu học sinh thực hiện bài tập 7 bước giãn cơ, hoặc bài tập tay chạm gối. Để có thể thực hiện bài tập này, bạn cần đứng dậy và bắt đầu dậm chân tại chỗ, nâng đầu gối trái, vòng tay phải qua người và chạm vào đầu gối trái. Tương tự đối với đầu gối phải. Bạn có thể làm động tác này trong tối thiểu 1 phút.

3. Dạy học sinh cách làm việc nhóm trước khi đặt kỳ vọng thành công

Thực hiện các dự án học tập hay những công việc yêu cầu kỹ năng làm việc nhóm mà chưa có sự hướng dẫn trước có thể gây ra thời gian chết. Bạn có thể khắc phục tình trạng này bằng việc dạy học sinh các kỹ năng hợp tác cần thiết trước khi dự án bắt đầu. Những hoạt động này không nhất thiết phải gắn với môn học.

Cách làm: đưa cho mỗi nhóm một cặp kéo, hai

tờ giấy, 10 ghim kẹp giấy và một cuộn băng dính có độ dài 10 inh, và yêu cầu mỗi nhóm sử dụng những vật liệu trên dựng một tòa tháp giấy cao nhất có thể trong vòng 20 phút.

Trước hoạt động này, bạn nên tạo một phiếu đánh giá, trên đó là các tiêu chuẩn về thái độ và ý thức để học sinh có thể nhận xét lẫn nhau. Một nửa thành viên trong nhóm thực hiện công việc xây tháp trong khi nửa còn lại đứng xung quanh và yên lặng quan sát.

Sau khi xây xong tháp, hãy hướng dẫn những thành viên là người quan sát đưa ra những nhận xét tích cực trước khi đưa ra một lời phê bình, ví dụ như: “Em thích việc các bạn ấy đã..., hay “Em nghĩ các bạn có thể”. Đổi vị trí của hai nhóm và xem thành quả của nhóm sau có tốt hơn nhóm trước không, tiếp tục đưa ra nhận xét rồi thảo luận tương tự như trên.

4. Sử dụng phương pháp Quickwrite khi bạn muốn học sinh có thời gian yên tĩnh để suy nghĩ

Khi hứng thú của học sinh với bài giảng giảm dần, hoặc bạn muốn ổn định trật tự lớp sau các hoạt động nhóm ồn ào, hãy yêu cầu chúng làm quickwrite (ghi chú nhanh), hoặc làm một bài viết ngắn.

Đối với khối tiểu học, cách thực hiện như sau: hỏi học sinh câu hỏi dạng như sau: “Em thấy điều gì thú vị nhất ...? Đây là phần khó nhất đối với em...? Em thấy trong bài giảng của cô/ thầy điều gì dễ hiểu nhất? Điều gì khiến em cảm thấy nhàm chán...? Em liên hệ được gì với bản thân qua bài giảng của thầy/ cô?”

Đối với khối trung học cơ sở và các khối khác, cách làm như sau: hãy sử dụng những lời nhắc nhở như sau: “Tóm tắt lại bài học nhé!”, “Dựa vào tài liệu học, hãy dự đoán bài kiểm tra hoặc câu hỏi tôi có thể đưa ra.”, “Đến lớp và chọn một chỗ ngồi trước khi buổi thảo luận diễn ra nhé!”

Giáo viên thường tránh giao các dạng bài tập như trên vì chỉ riêng việc chấm bài cũng có thể khiến giáo viên cảm thấy quá tải. Để quản lý khối lượng bài chấm, bạn có thể cho phép học sinh sử dụng bút màu khoanh tròn vào mục học sinh mong muốn bạn sẽ đọc và nhận xét trong tuần.

Thông thường, bạn nên yêu cầu học sinh viết một vài câu giải thích bên cạnh mục cần đọc lý do vì sao học sinh muốn bạn đọc phần này trong bài làm. Hãy để học sinh biết rằng bạn sẽ đọc đoạn viết được đánh dấu bằng bút màu và nếu thời gian cho phép bạn sẽ đọc phần còn lại.

5. Chuẩn bị thật kỹ trước khi đưa ra hướng dẫn cho học sinh

Tránh thời gian chết đặc biệt quan trọng khi bạn đưa ra hướng dẫn cho học sinh. Có rất nhiều cách hay để thu hút sự chú ý của học sinh. Tuy nhiên, thành công hay thất bại lại phụ thuộc vào mức độ yêu cầu của bạn đối với kết quả cuối cùng.

Dù sử dụng phương pháp nào, trước khi bắt đầu nói về nó, bạn cần yêu cầu học sinh [1] hoàn toàn giữ trật tự, [2] tập trung cao độ và [3] tất cả 5 nhãn cầu đều hướng về bạn (hai mắt trên mặt, 2 mắt đầu gối, và nhãn cầu trong trái tim của chúng). Tôi thực hiện các bước này với tất cả lớp học của mình và chúng đã tạo ra sự khác biệt lớn.

Cách thực hiện: Khi giới thiệu thói quen này cho học sinh, hãy thực hiện nó năm lần liên tiếp: Thông báo với học sinh rằng trong giây lát nữa, các em sẽ có thời gian trò chuyện cùng nhau, ra hiệu hết giờ (bạn có thể dùng đồng hồ đếm ngược, hoặc rung chuông,...) và đợi cho đến khi chúng sẵn sàng phát biểu ý kiến của mình.

Trong hai tuần đầu áp dụng phương pháp này, hãy nhắc lại yêu cầu của bạn đối với học sinh trong lớp. Để tất cả các em hoàn tập trung lắng nghe những gì giáo viên nói, hãy cho các em biết

rằng bạn sẽ không nhắc lại các hướng dẫn tới lần thứ hai.

6. Sử dụng “cốc công bằng” để học sinh luôn phải tập trung

Nếu bạn có thể tạo một môi trường lớp học thân thiện, nơi học sinh được khuyến khích chấp nhận các rủi ro mà không lo sợ bị trêu chọc hoặc phê bình, bạn càng dễ dàng sử dụng chiếc cốc công bằng thường xuyên mà không cảm thấy bản thân đang “đẩy” học sinh vào “hố sâu thất bại”.

Cách thực hiện: Viết tên học sinh lên các que gỗ rồi cho chúng vào một chiếc cốc. Chọn ngẫu nhiên một que gỗ và yêu cầu học sinh có tên trên que gỗ đó trả lời câu hỏi. Cách này sẽ khiến học sinh không thể mất tập trung trong lớp.

Lưu ý: Khi sử dụng cốc công bằng, hãy chuẩn bị các câu hỏi có độ khó đa dạng, đảm bảo có một vài câu dễ để học sinh có thể trả lời được. Phương pháp này tạo điều kiện để $\frac{1}{3}$ học sinh nằm cuối danh sách lớp tham gia trả lời câu hỏi mà không cần đến thầy cô gọi đích danh.

7. Hãy cho học sinh một dấu hiệu rằng bạn muốn nghe câu trả lời của chúng

Để đảm bảo rằng tất cả học sinh đều chủ động suy nghĩ, hãy thường xuyên đặt các câu hỏi yêu cầu mỗi học sinh buộc phải chuẩn bị cho mình ít nhất một câu trả lời. Bên cạnh đó, để chúng biết mong muốn của bạn và đợi đến khi nhận được tín hiệu “đã sẵn sàng” từ các em.

Cách làm: Ví dụ, đối với môn toán, bạn có thể đặt câu hỏi như sau: “Các em có thể nghĩ được bao nhiêu cách để thực hiện phép tính $54-17$?” (Trừ 10, trừ tiếp 7, trừ 20 rồi cộng 3,...). Hoặc để kiểm tra lại độ thông hiểu bài của học sinh về bài thuyết trình, hãy hỏi các em: “Có bao nhiêu ý chính trong bài thuyết trình vừa rồi?”.

Bằng việc hỏi những câu hỏi nhiều câu trả lời và

nhiều cách giải thích, cách tiếp cận học sinh của bạn cũng dần trở nên khác biệt: em nào cũng cần có ít nhất 1 đáp án của riêng mình, thậm chí có em còn nghĩ được nhiều hơn chỉ một câu trả lời. Để có thể đưa ra tổng số câu trả lời mình có, học sinh có thể sử dụng ngôn ngữ ký hiệu như: khoanh tay trước ngực rồi dùng một hay vài ngón thể hiện đáp án của mình mà không để các bạn xung quanh nhìn thấy. Phương pháp này loại trừ trường hợp học sinh khoe khoang số ý tưởng trong đầu hoặc tốc độ nghĩ của mình với các bạn trong lớp. Bạn có thể gọi các em xung phong chia sẻ câu trả lời của mình với cả lớp.

8. Sử dụng các nhiệm vụ đòi hỏi sự giám sát tối thiểu để loại bỏ thời gian chết ra khỏi các thói quen thông thường

Những bài tập đòi hỏi ít sự giám sát sẽ thêm vào những hoạt động có mục đích trong những khoảng thời gian mà thường vô tình là khoảng thời gian chết. Đó có thể là khoảng thời gian phát tài liệu, làm việc nhóm nhỏ, giải quyết các sự cố bất ngờ, gọi tên những học sinh không làm bài tập về nhà, hoặc giao thêm bài cho những em hoàn thành bài tập sớm.

Cách thực hiện: Trong khoảng thời gian bạn phải đi phát tài liệu cho học sinh, hãy yêu cầu học sinh làm một quickwrite (xem phương pháp thứ 4) hoặc chia học sinh thành từng cặp và hỏi nhau từ vựng. Bên cạnh đó, học sinh cần được dạy biết nhận lỗi và cố gắng hơn nếu không làm bài tập về nhà. Bằng cách đó, những học sinh này sẽ không bị rơi vào thời gian chết trong giờ kiểm tra và nhận xét bài tập về nhà. Thay vào đó, chúng có thể chuyển sang làm các nhiệm vụ đòi hỏi ít sự giám sát.

Ví dụ, bạn có thể yêu cầu học sinh xem trước bảng đánh giá, tóm tắt bài đọc, đọc trước bài học, hoặc tạo và học trước từ vựng hay xem những nội dung khác. Một ngày, bạn sẽ thấy chúng chăm chỉ làm bài tập về nhà hơn vì không muốn bị giao

thêm những việc kể trên.

9. Kết hợp nhiều phong cách dạy học

Để học sinh tập trung và tích cực xây dựng bài giảng, hãy chuyển từ cách giảng dạy lấy giáo viên làm trung tâm sang cách giảng dạy lấy học sinh làm trung tâm và ngược lại.

Cách thực hiện: Giới thiệu bài thuyết trình bằng cách cho học sinh bắt cặp, trao đổi với nhau về những hiểu biết sẵn có của mình, đồng thời tạo danh sách bốn câu hỏi các em muốn biết câu trả lời. Lướt nhanh một vòng để nhắc học sinh luôn tập trung cao độ làm bài.

Để khuyến khích việc lắng nghe chủ động, hãy cung cấp trước cho học sinh một danh sách các câu hỏi. Ngắt phần thuyết trình với quickwrite và yêu cầu các bạn trong một cặp trao đổi câu trả lời với nhau. Sau đó, chọn một que gỗ bất kỳ trong cốc công bằng để chọn một cặp trình bày câu trả lời trước lớp.

10. Tạo các nhiệm vụ làm việc nhóm đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao

Bằng việc nhấn mạnh với học sinh: “Hãy hỏi 3 bạn trước khi hỏi thầy/cô”, bạn cho học sinh biết mình đang mong chờ chúng tìm kiếm sự giúp đỡ từ tất cả các thành viên trong nhóm trước khi tìm kiếm sự giúp đỡ từ bạn.

Cách thực hiện: để thực hiện nguyên tắc này, khi một học sinh trong một nhóm hỏi bạn, hãy hỏi đáp án từ một học sinh khác trong nhóm. Nếu học sinh đó không biết, hãy nhẹ nhàng rời đi, cả nhóm sẽ nhanh chóng hiểu điều bạn đang mong muốn.

Một cách khác nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm là hãy nói: “Khi các em nghĩ nhóm mình đã xong việc, hãy tìm tôi trong vòng 30 giây và đưa đáp án cho tôi nhé.” Chiến lược này giúp các em trong nhóm chủ động thể hiện trách nhiệm của mình đối với công việc được giao.



CÔNG BẰNG TRONG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH

Stuart Kime | Minh Khuê dịch

Gavin Williamson, bộ trưởng bộ giáo dục vương quốc Anh, đã thông báo hủy hai kỳ thi GCSE và A-level¹ vào hè 2021, thay vào đó bằng Điểm giáo viên đánh giá (Teacher Assessed Grades). Dù kiểm tra theo hình thức nào, bằng chứng rõ ràng về học lực cũng như kết quả sau bài kiểm tra sẽ giúp việc đánh giá trở nên công bằng nhất có thể.

Thách thức đặt ra cho một đánh giá chất lượng

Giáo sư Rob Coe chia sẻ ai cũng nghĩ mình hiểu về việc đánh giá cho tới khi họ thực sự dành thời gian suy nghĩ về công việc này. Khi bắt tay vào công việc, giáo viên sẽ có cảm giác bản thân không đủ hiểu về đánh giá, theo đó là áp lực phải đánh giá đúng khiến cho họ rơi vào tình trạng khủng hoảng sư phạm (pedagogical panic). Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi chọn áp dụng những phương thức dễ thực hiện, gần gũi và hướng đến kết quả tích cực.

“Sự học” thường vô hình nhưng chúng ta phải làm nó trở nên hữu hình

Cuốn “*The Hidden Lives of Learners*” (Tạm dịch: “*Sự học - sau ánh hào quang*”) của Graham Nuthall cho chúng ta biết rằng những gì chúng ta học

¹ Hai chứng chỉ đánh giá trình độ học lực văn hóa của học sinh ở một số quốc gia (như Anh trước đây), kết quả GCSE sẽ được sử dụng để đánh giá việc học sinh có thể tiếp tục theo học chương trình A-Level, và kết quả A-Level được sử dụng để xét tuyển đại học.

được thực chất không giống như những gì chúng ta được dạy. Nói cách khác, việc kiểm tra những kiến thức học sinh đã học được (trái với kỳ vọng của giáo viên về lượng kiến thức học sinh cần tiếp thu) với mục đích xét thứ hạng đều vướng phải một khó khăn rất lớn. Sự học vô hình nhưng lại được hữu hình hóa nhờ giáo viên, để từ đó, nhìn nhận nó một cách công bằng và trao cơ hội “được học” cho những em thực sự cần. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch, cơ hội học cần được trao đi công bằng tới tất cả mọi người.

Ba tiêu chí giúp đảm bảo tính công bằng trong đánh giá của giáo viên

Đánh giá là một quá trình có thể cải thiện bằng cách chú tâm hơn vào chi tiết từng khâu. Khi kết quả đánh giá của giáo viên không phản ánh được năng lực thường thấy của một cá nhân, có ba tiêu chí giúp giáo viên nâng cao tính công bằng và trung thực của quá trình, bao gồm:

1. Giá trị:

Bất kỳ điểm số nào cũng cần phải có giá trị đối với người sử dụng - học sinh, nhà tuyển dụng hay các trường đại học. Khi thiết kế và chọn các bài kiểm tra lấy điểm, dựa trên thông tin được cung cấp, giáo viên cần phải nghĩ đến công dụng của các bài tập trong việc hỗ trợ học sinh cả về kiến

thức nền tảng và khả năng làm bài. Học sinh chỉ tập trung vào nội dung kiến thức giáo viên muốn kiểm tra? Hay trong bài kiểm tra vẫn sẽ xuất hiện một vài câu hỏi nằm ngoài nội dung ôn tập chính?

Việc chấm điểm đòi hỏi độ chính xác và nhất quán cao nhất có thể, do đó, giáo viên cần phải chú ý đến chất lượng câu hỏi và các phần bài tập. Quá trình chấm và kiểm duyệt sau đó cũng rất quan trọng.

2. Sự công bằng và thiên kiến

Trong bất cứ giai đoạn nào của cuộc đời, phần lớn chúng ta đều có xu hướng tin hoặc tìm kiếm những thông tin giúp bảo toàn và củng cố quan điểm, giá trị và niềm tin cá nhân. Dù điều này diễn ra hoàn toàn tự nhiên nhưng một nghiên cứu đã chỉ ra rằng đây chính là nguyên nhân dẫn đến những thiên kiến sai lệch kéo theo khả năng đưa quyết định yếu kém². Đặc điểm này của con người hướng các nhà giáo đưa ra những suy luận thiên lệch về những điều học sinh biết, hiểu và có thể làm. Thiên kiến là mối đe dọa đối với các kết luận đánh giá. Hiểu biết và nhận ra sự tồn tại của thiên kiến chính là bước đầu làm suy yếu mối đe dọa vừa được trình bày bên trên. Sau đó, hãy cởi mở và minh bạch về quá trình tiếp cận và dung nạp những thiên kiến trong tư duy của mình.

3. Sai số chuẩn của phép đo - bí mật được giấu kín lớn nhất được ngành giáo dục

Không có bài kiểm tra nào chính xác tuyệt đối. Độ chính xác thường khác nhau ở các môn học (không có gì ngạc nhiên khi độ chính xác ở các môn học như Vật Lý thường nhỏ, trong khi các môn như Anh Văn lại lớn). Sai số chuẩn của các kết quả đánh giá có thể được coi là +/- 'vùng xám' quanh một điểm số cụ thể. Đây cũng là số liệu ta có thể tính toán được. Trong một bài kiểm tra với vùng xám là +/- 5 điểm, học sinh có điểm ở gần ranh giới trên có thể tạo ra sự khác biệt giữa điểm của em đó với các bạn khác.

Một vài lời khuyên cho việc đánh giá của giáo viên

1. Đảm bảo rằng những câu hỏi mà bạn đặt ra cho học sinh đều bao hàm cả nội dung chương trình giảng dạy cơ bản và phạm vi nhận thức bạn thật sự muốn đánh giá ở các em.
2. Đảm bảo rằng các câu hỏi được đặt ra phù hợp và đánh giá được mức độ tiếp thu và trình độ của học sinh (một vài câu hỏi có thể cần phải dễ hơn mức cần thiết).
3. Đảm bảo đưa vào các câu hỏi có độ khó vừa đủ để tất cả học sinh đều có thể làm bạn bất ngờ (một vài câu hỏi cần phải khó hơn mức cần thiết).
4. Đặt câu hỏi theo nhiều hướng, dưới nhiều hình thức khác nhau. Áp dụng luân phiên các phương pháp kể trên để xác định phương pháp cho hiệu quả cao nhất.

2 Morewedge, C. K., & Kahneman, D. (2010). Associative processes in intuitive judgment. *Trends in cognitive sciences*, 14(10), 435-440.



HÃY LOẠI BỎ HÌNH THỨC ĐÌNH CHỈ

¹Adam Stone | Đức Hà dịch

Briana Robinson, giáo viên dạy Tiếng Anh và Nghệ thuật ở The Key Academy, một trường công lập tại Washington, hoàn toàn không đồng tình với việc kỷ luật học sinh bằng cách đình chỉ học.

“Đối với tôi, không gì tốt hơn việc để học sinh học trong lớp học,” Robinson nói “Học sinh đến trường để học và tôi muốn học sinh có thể học ở trường nhiều nhất có thể. Khi một học sinh bị đình chỉ học, em ấy sẽ bị tách ra khỏi môi trường học tập.”

Và không chỉ có mình Robinson đồng tình với quan điểm đó. Gần đây, ngày càng có nhiều nhà giáo dục và nhà nghiên cứu hợp tác để kêu gọi các trường học ngừng sử dụng phương thức đình chỉ học để kỷ luật những học sinh tái vi phạm nội quy nhà trường. Một loạt các nghiên cứu đã được

đưa ra cho thấy việc đình chỉ học tập thường không công bằng - do phân biệt chủng tộc và giới tính - và cũng không hiệu quả. Thay vì cải thiện chất lượng học tập, biện pháp này lại làm giảm sút kết quả học tập của học sinh.

Hơn nữa, những người ủng hộ cho rằng có nhiều cách tốt hơn để giải quyết các vấn đề kỷ luật. Giao tiếp, quan tâm và hòa nhập là những cách tốt hơn để định hình lại lớp học. Sau đây, chúng tôi sẽ xem xét một số lo ngại đã được đặt ra xung quanh việc đình chỉ học và sau đó xem xét các giải pháp thay thế.

Kết quả nghiên cứu

Có nhiều bằng chứng cho thấy việc đình chỉ học không có tác dụng và gây hại nhiều hơn là có lợi:

- Khi các nhà nghiên cứu Johanna La-coe và Matthew P. Steinberg khảo sát các học sinh từ lớp 3 đến lớp 12 ở các trường học quận Philadelphia, họ nhận

¹ <https://teachmag.com/archives/10907>

thấy rằng việc bị đình chỉ học có ảnh hưởng tiêu cực đến thành tích môn toán cũng như khả năng đọc của học sinh.

- Nhà nghiên cứu NaYoung Hwang đã điều tra các học sinh từ lớp 7 đến lớp 11 trong một trường học ở ngoại ô California trong khoảng vài năm. Kết quả cho thấy việc bị đình chỉ học nhiều lần là một trong những nguyên nhân làm giảm thành tích môn Toán và môn Anh văn của học sinh.
- Một nghiên cứu của Elizabeth M. Chu và Douglas R. Ready đã điều tra một nhóm học sinh trung học của thành phố New York. Kết quả cho thấy rằng những học sinh bị đình chỉ có kết quả môn Toán và môn Tiếng Anh thấp hơn lần lượt là 3% và 4% số điểm so với các học kỳ mà những học sinh đó không bị đình chỉ.

Rõ ràng có một liên hệ giữa việc đình chỉ học và thành tích học tập. Các nghiên cứu đã củng cố điều mà hầu hết giáo viên đều nhận định: Những đứa trẻ không được ở trong lớp cuối cùng sẽ bị tụt lại phía sau.

Một số người cũng lo ngại rằng việc đình chỉ học tập không được thực hiện một cách công bằng ngay cả trong các trường học nơi coi đình chỉ là một biện pháp kỷ luật. Ví dụ, Zibei Chen, một nhà nghiên cứu tại Khoa Công tác Xã hội của Đại học Michigan, đưa ra rằng nam sinh và sinh viên người Mỹ gốc Phi có nhiều khả năng bị đình chỉ học hơn nữ sinh và sinh viên da trắng và sinh viên gốc Tây Ban Nha.

Trung tâm Vì nước Mỹ phát triển (*The New Center for American Progress*) đã xem xét dữ liệu từ hai học khu lớn nhất ở Hoa Kỳ — Bộ Giáo dục Thành phố New York và Học khu Thống nhất Los Angeles — đã cùng nhau đình chỉ hoặc đuổi học học sinh tổng cộng 47.558 ngày trong khoảng thời gian được nghiên cứu. Trung tâm đã phát hiện ra nhiều khác biệt về nhân chủng học trong việc đình chỉ học tập: Ví dụ, học sinh da trắng

chiếm 15% số học sinh của học khu NYC, nhưng chỉ chiếm 8% số ngày bị đình chỉ học. Học sinh người Mỹ gốc Phi chiếm 27% số học sinh của học khu, nhưng chiếm gần một nửa (47%) số ngày bị đình chỉ.

Constance Lindsay, một nhà nghiên cứu tại Học viện Đô thị (*Urban Institute*), chỉ ra thống kê của Bộ Giáo dục Hoa Kỳ cũng xác nhận xu hướng này: Trẻ em da đen chiếm 16% số học sinh nhập học nhưng chiếm tới 34% số trường hợp bị đình chỉ một lần và 42% số trường hợp bị đình chỉ nhiều lần. Bà nói: “Có sự chênh lệch rất lớn về chủng tộc xét về tần suất trẻ em bị đình chỉ học.”

Một số chuyên gia phát triển trẻ em cảnh báo rằng về lâu dài, điều này có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Học viện Nhi khoa Hoa Kỳ (*The American Academy of Pediatrics*) cảnh báo rằng những học sinh bị đình chỉ học có khả năng bỏ học trung học cao gấp 10 lần. Học viện cho biết: “Học sinh không hoàn thành chương trình trung học thường làm các công việc có mức thu nhập thấp hơn đáng kể và có ít cơ hội học tập và việc làm hơn so với học sinh đã hoàn thành trung học phổ thông,”

Cụ thể hơn, một số chuyên gia cho biết, việc đình chỉ học không thể coi là một biện pháp quản lý lớp học.

“Trước hết, việc đình chỉ không có tác dụng.” Tiến sĩ Rosemarie Allen, phó giáo sư về Giáo dục Mầm non của Đại học Metropolitan State of Denver cho biết: “Khi trở lại trường sau thời gian đình chỉ, hành vi của học sinh không thay đổi.”

“Khi chúng ta nghĩ về kỷ luật hoặc quản lý lớp học, chúng ta phải nghĩ về những gì chúng ta có thể làm để thực sự tác động hoặc thay đổi hành vi của học sinh. Tôi nghĩ về việc đình chỉ như một vũ khí hơn là một công cụ,” cô nói. Các giáo viên vẫn sử dụng đình chỉ như một giải pháp cuối cùng, một cách để duy trì trật tự trong lớp học khi mọi

nỗ lực khác đều thất bại. Một số ý kiến cho rằng, thay vì sa đà vào hành động cực đoan nhất này, giáo viên nên định hướng lại lớp học của họ theo một loạt các nguyên tắc hành vi khác.

Những giải pháp tốt hơn

Quản lý hành vi. Công lý hồi phục (Restorative Justice). Học tập cộng đồng. Những thuật ngữ trên thường được nhắc đến trong các cuộc thảo luận về trật tự và kỷ luật lớp học. Nhìn chung, tất cả những thuật ngữ này đều mang ý nghĩa: Hãy ngừng tập trung quá nhiều vào trật tự và kỷ luật, thay vào đó, hãy quản lý các hành vi ứng xử bằng cách tiếp cận từng cá nhân học sinh; đào sâu vào nhu cầu cá nhân của các em; để xây dựng một cộng đồng hòa nhập, thúc đẩy ý thức trách nhiệm cũng như ý thức giải trình cá nhân của học sinh. “Để đạt được điều này, cần có những giáo viên có thể trò chuyện và hiểu học sinh của mình, tạo nên mối quan hệ tốt giữa giáo viên và học sinh” Francis Huang, phó giáo sư tại Đại học Missouri College of Education cho biết. “Chắc chắn việc xây dựng mối quan hệ với học sinh cần rất nhiều thời gian, nhưng đó là điều rất quan trọng để quản một lý lớp học cách hiệu quả.”

Briana Robinson nói rằng cô ấy luôn cố gắng thực hiện điều đó: “Tôi thực sự chủ động trong việc quản lý lớp học để tạo nên cảm giác tin tưởng giữa tôi với tư cách là giáo viên và học sinh của mình, xây dựng một lớp học nơi học sinh có thể hoàn toàn trung thực mà không bị phán xét. Giao tiếp là chính là chìa khóa. Mỗi khi học sinh có hành vi không phù hợp, động thái đầu tiên của tôi là trò chuyện với học sinh thay vì quát mắng: ‘Nhiệm vụ này rất quan trọng đấy. Cô biết em có khả năng mà, hãy thể hiện khả năng của em nào.’ Tôi muốn đem lại cho học sinh niềm tin tích cực vào những gì mà các em có thể thực hiện được trong lớp học.”

Để hình thành động lực này, giáo viên phải xây dựng trên cơ sở tin tưởng - điều mà Robinson cố gắng thực hiện ngay từ khi bắt đầu năm học. “Trong những tuần đầu của năm học, tôi luôn

chia sẻ những cảm xúc của mình với học sinh. Tôi chia sẻ những câu chuyện của mình, rằng tôi cũng có một đứa em trai, rằng tôi đã từng gặp khó khăn trong việc kết bạn khi lớn lên, rằng tôi cũng là một con người có cảm xúc,” cô nói.

“Điều tiếp theo giáo viên cần làm là lắng nghe. Nếu học sinh vào lớp với tâm trạng không tốt, trước khi bắt đầu bài học, tôi sẽ đến bên cạnh và hỏi em ấy cảm thấy thế nào trước tiên. Điều đó khiến học sinh cảm thấy mình được giáo viên nhìn nhận, yêu thương và quan tâm, ngay cả khi giáo viên có nghiêm khắc,” cô nói.

Điều này nghe có vẻ rắc rối, nhưng việc xây dựng mối quan hệ thân thiết giữa giáo viên và học sinh thực sự là điều cần thiết để cải thiện một hệ thống kỷ luật không hiệu quả.

Tạo dựng mối liên kết với học sinh

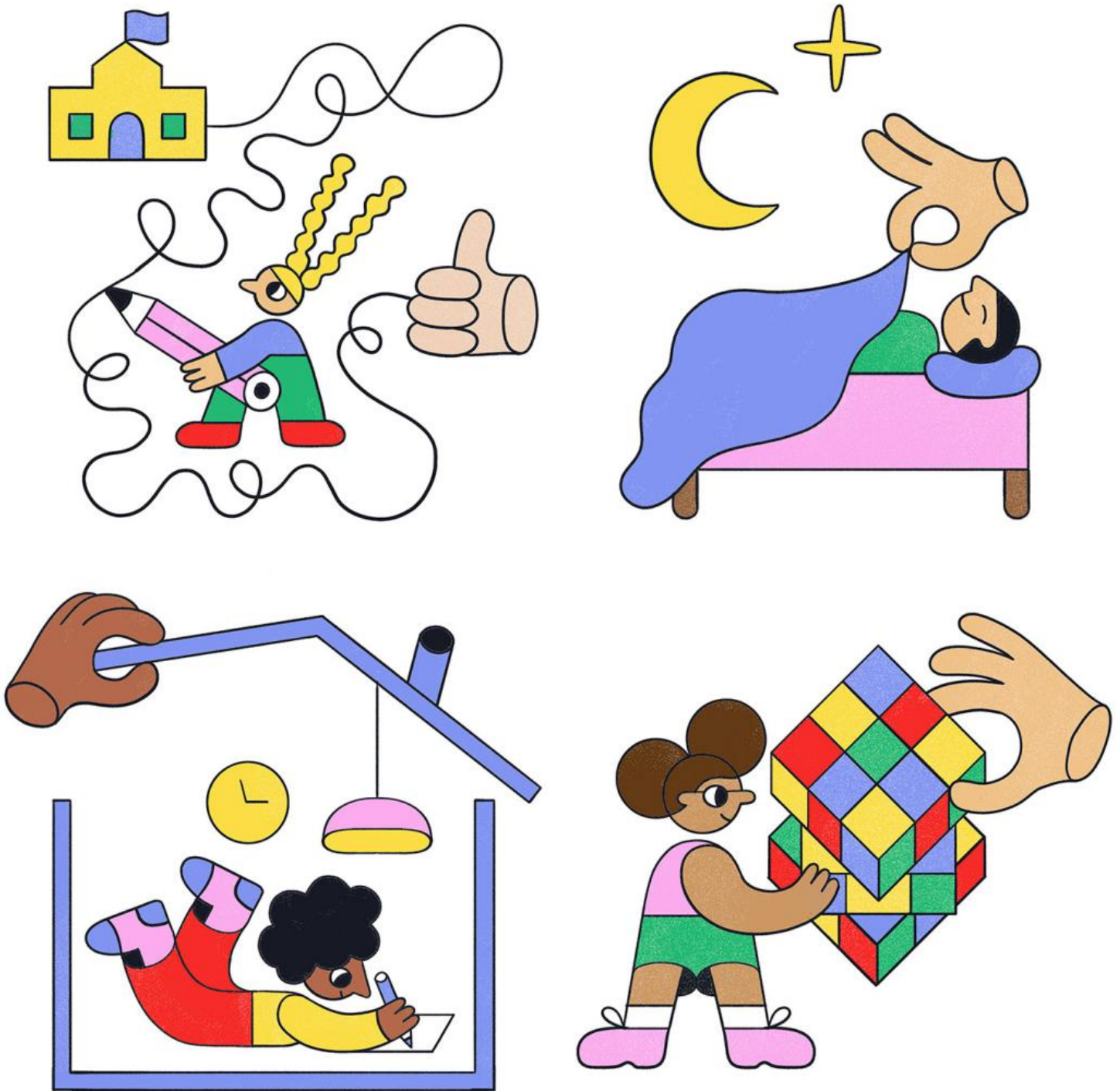
Nhà nghiên cứu Lindsay của Viện Đô thị đã đưa ra ý kiến về các kỹ thuật quản lý lớp học dựa trên công lý phục hồi: Xây dựng môi trường lớp học dựa trên những thỏa thuận rõ ràng, giao tiếp chân thật và các công cụ cụ thể để giải quyết xung đột một cách có ý nghĩa.

“Chúng ta cần xây dựng các chiến lược để những học sinh vi phạm vẫn có thể ở lại lớp học, chuyển hướng hành vi của các em thông qua những yếu tố tích cực hơn như khôi phục cộng đồng,” cô nói. Trong mô hình phục hồi, học sinh bắt nạt được yêu cầu tường thuật về những gì đã xảy ra và tự đánh giá xem những việc đó có thể ảnh hưởng đến học sinh kia như thế nào. Bằng cách trò chuyện thông qua cảm giác xấu hổ và tổn thương, có thể giúp học sinh vi phạm được các học sinh khác chấp nhận lại, đôi khi với sự giúp đỡ của các bên thứ ba như thành viên gia đình hoặc một người bạn đáng tin cậy.

Rosemarie Allen tại Đại học Metropolitan State University of Denver là một người ủng hộ cho phương pháp này — chia sẻ về những kinh nghiệm bản thân đã trải qua thời còn đi học. Cô thường xuyên bị đình chỉ học vì trèo lên mái nhà (để nhìn rõ hơn sân chơi), tháo rời búp bê (để

xem các mảnh ghép khít với nhau như thế nào] và mài bút chì xuống tẩy (để xem mất bao lâu). Chúng ta nên làm gì nếu trong lớp có những đứa trẻ giống như cô ấy bằng cách nào? “Học sinh sẽ phải nhìn nhận những hậu quả mà họ đã gây ra cho cộng đồng và cộng đồng sẽ quyết định làm thế nào để sửa chữa những hậu quả này. Học sinh sẽ phải xác định trách nhiệm của bản thân.” Để cách tiếp cận này hoạt động, giáo viên cần tập trung vào những trải nghiệm cụ thể của học sinh. Tại sao học sinh lại có hành vi như vậy? Học sinh đang muốn truyền tải thông điệp gì qua hành vi đó?

“Điều đầu tiên cần làm là tìm hiểu những gì đang xảy ra. Chúng ta cần phải xây dựng mối quan hệ với học sinh để hiểu tại sao các em lại cư xử như vậy,” cô nói. “Việc này cần rất nhiều thời gian – và phải thực hiện ngay từ những ngày đầu tiên của năm học. Nhưng nếu chúng ta đầu tư thời gian, nếu chúng ta có thể xây dựng một cộng đồng, nếu chúng ta có thể nói về kỳ vọng và về kết quả, thì chúng ta có thể tạo nên một không gian và một cộng đồng học tập an toàn”.



**[30+ FRAMEWORKS GIÁO DỤC] -
KỲ 18: KHUÔN KHỔ HEAD START
EARLY LEARNING OUTCOME
- KHỞI ĐẦU THUẬN LỢI CHO
NHỮNG NĂM ĐẦU ĐỜI**

Việt Anh

Khuôn khổ “Head Start Early Learning Outcomes” dựa trên nghiên cứu toàn diện về những hiểu biết và kỹ năng của trẻ trong những năm đầu đời của mình. Bao gồm 5 lĩnh vực: Các phương pháp tiếp cận học tập; Sự phát triển xã hội và cảm xúc; Ngôn ngữ và khả năng đọc viết; Nhận thức; Phát triển tri giác, vận động và thể chất.

Phát triển bởi: Văn phòng Head Start

Mục đích:

- Để giúp giáo viên, người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em lựa chọn chương trình giảng dạy và tài liệu học tập, lập kế hoạch hoạt động hàng ngày, phát triển các phương pháp giảng dạy hiệu quả
- Thu hút sự tham gia của các gia đình để xây dựng kết quả học tập đầu đời của trẻ. Giúp trẻ có được tâm thế sẵn sàng đến trường.

Độ tuổi: từ 0~5 tuổi

Áp dụng:

- Khuôn khổ đã được sử dụng bởi các chương trình của Văn phòng Head Start, bao gồm: Early Head Start, Head Start, Child Care. Các chương trình này cung cấp chương trình giáo dục mầm non và các dịch vụ khác liên quan cho hơn 1 triệu trẻ em cùng các bậc phụ huynh ở Hoa Kỳ mỗi năm.

Nội dung:

- Bao gồm tiến trình học tập cho từng lĩnh vực trong khuôn khổ, với các kỳ vọng học tập, các chỉ số hành vi ở các độ tuổi: 0-9 tháng, 8-18 tháng, 16-36 tháng, 3-4 tuổi và 4-5 tuổi.
- Cung cấp thông tin chung về những gì xảy ra trong các giai đoạn phát triển của thời thơ ấu.

Tài nguyên sẵn có:

- Một video ngắn và thú vị chia sẻ về cách áp dụng khuôn khổ này trong quá trình làm việc với trẻ và gia đình: <https://eclkc.ohs.acf.hhs.gov/video/theres-elof>
- Bộ công cụ triển khai ELOF, hướng dẫn quy trình điều chỉnh chương trình, củng cố các phương pháp thực hành thúc đẩy sự phát triển của trẻ: <https://eclkc.ohs.acf.hhs.gov/sites/default/files/pdf/no-search/elof-01-intro-implementation-toolkit.pdf>
- Giáo viên, những người hỗ trợ tại nhà có thể tìm kiếm các tài nguyên khác tại: <https://eclkc.ohs.acf.hhs.gov/school-readiness/effective-practice-guides/introduction>. để tìm kiếm các mô tả hay hướng dẫn sử dụng phương pháp giảng dạy, ra các phương pháp thực hành trong môi trường học tập đầu đời (bao gồm cả học tại nhà).
- Chuỗi podcast có các chuyên gia chia sẻ thông tin thực tế về cách áp dụng khuôn khổ.

Nguồn tham khảo:

- Office of Head Start. (2015). Head Start early learning outcomes framework: Ages birth to five. <https://eclkc.ohs.acf.hhs.gov/sites/default/files/pdf/elof-ohs-framework.pdf>
- Trang web của văn phòng Head Start: <https://eclkc.ohs.acf.hhs.gov/>

#moingay1frameworkGiaoduc #LearnToLearn
#CultivatingEducationPractices

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Nguyễn Linh Chi

Dương Phú Việt Anh | Hogwarts

Ngô Thị Thanh Tùng | VNIES

Nguyễn Thúy Quỳnh | EdLab Asia

Phan Mai Anh | Cùng học

Trịnh Minh Châu | Cùng học

LISA | Cùng học

Vũ Minh Khuê | EdLab Asia

Nguyễn Minh Trang | EdLab Asia

Vũ Đức Hà | The Lyceum

Logo | Hà Dũng Hiệp

Chế bản | Quách Anh

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



CONSORTIUM for
NEW EDUCATION

Đầu & Lộn xộn

“Học để Dạy,
và Dạy để Học”